

Xây dựng hệ thống quản lý trường mầm non ABC

Software Requirements Specification

Version 1.0

1. DOCUMENT HISTORY

Date	Summary of Changes	Version
24-05-2023	<ul style="list-style-type: none">- Vẽ sơ đồ Use Case tổng quát và phân công công việc.- Mô tả sườn của báo cáo và khái quát một số chức năng.	1.0
24-05-2023	<ul style="list-style-type: none">- Vẽ mockup cho trang admin.	1.0
26-05-2023	<ul style="list-style-type: none">- Sửa các lỗi trong phần nhận xét của GVCB.- Vẽ mockup cho các trang sinh viên và giảng viên	1.0
10-6-2023	<ul style="list-style-type: none">- Chỉnh sửa và hoàn thiện các mockup.- Hoàn thiện báo cáo.	1.0

10-6-2023	- Sửa lại các Usecase chưa chuẩn.	
15-6-2023	- Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo.	

2. REFERENCE DOCUMENTS

Document Name	Description
SRS_Templatev_1.0.docx	<ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu của đội ngũ GVHD FSOFT, nội dung bên trong bao gồm cách báo cáo hoàn chỉnh mô hình RMS.

3. DISTRIBUTION LIST AND APPROVALS

Name	Title
Bùi Hoàng Ý	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo UseCase tổng quát. - Tham gia vào viết tài liệu SRS cho Admin.
Bùi Tuấn Dũng	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các Usecase cho phần phụ huynh. - Viết tài liệu SRS cho phần phụ huynh.
Nguyễn Tuyết Nhi	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các Usecase cho phần Admin. - Viết tài liệu SRS cho phần Admin.
Đinh Sỹ Quốc Việt	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các Usecase cho phần phụ huynh. - Viết tài liệu SRS cho phần phụ huynh.
Đinh Thị Cát Tường	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo các Usecase cho phần Giáo Viên. - Viết tài liệu SRS cho phần Giáo Viên.

4. INTRODUCTION

4.1. Purpose

Mục đích của tài liệu này mô tả một cách chi tiết về những chức năng của “Xây dựng hệ thống và quản lý trường mầm non ABC”. Nó minh họa chi tiết chức năng và xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh. Nó giải thích rõ ràng về ràng buộc của hệ thống, trình bày tổng quan về giao diện và những tương tác với hệ thống hay ứng dụng khác bên ngoài. Tài liệu này dùng mô tả trình bày lại với khách hàng nhằm chỉnh sửa và điều chỉnh được tốt hơn.

4.2. In scope

Hệ thống quản lý đăng ký và triển khai đề tài “Xây dựng hệ thống và quản lý trường mầm non ABC” chạy trên nền web giúp công việc đăng quản lý đăng ký và triển khai hoạt động được tiến hành một cách nhanh chóng, tiện lợi và ít tốn kém nhất. Hệ thống quản lý đăng ký và triển khai đề tài “Xây dựng hệ thống và quản lý trường mầm non ABC” ra đời nhằm tạo nên sự kết nối giữa nhà trường và phụ huynh cũng như nhu cầu quản lý sinh viên và việc triển khai các hoạt động sẽ diễn ra một cách dễ dàng hơn.

- Hệ thống phục vụ cho 4 đối tượng người dùng chính:
 - + Admin
 - + Giáo viên
 - + Phụ huynh
 - + Guest

Website cho phép phụ huynh có thể theo dõi được toàn bộ lịch trình và các hoạt động của con em mình một cách dễ dàng thông qua việc đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản mà nhà trường cấp cho phụ huynh có con đang học tại trường. Đồng thời giáo viên có thể theo dõi, nắm bắt danh sách, hoạt động của học sinh mà lớp mình đang quản lý... Website sẽ giúp nhà trường quản lý sinh viên, giảng viên và đề tài một cách nhanh chóng và hiệu quả.

5. OVERVIEW

5.1. Actors

Biểu đồ dưới đây sẽ mô tả tất cả các tác nhân tham gia vào “Xây dựng hệ thống và quản lý trường mầm non ABC”. Mỗi tác nhân sẽ có một vai trò khác nhau trong hệ thống. Hiện tại chúng ta có các tác nhân: Admin, giáo viên, phụ huynh, user. Admin có quyền quản lý thao

tác của phụ huynh và giáo viên trên hệ thống , đồng thời có quyền thay đổi phương thức thanh toán đối với việc nộp học phí,... . Giáo viên có quyền tạo tài khoản để đăng nhập vào hệ thống, bình chọn/ đề xuất cho các hoạt động sẽ diễn ra, xem camera trực tuyến, điểm danh trẻ, thông báo trẻ vắng mặt, cập nhật thông tin trẻ và nhận xét trẻ em với phụ huynh,... cũng như quản lý các sinh viên do mình phụ trách. Phụ huynh có quyền tạo tài khoản để đăng nhập vào hệ thống, xem thông tin giáo viên, xem và thanh toán học phí,... .User có quyền xem các thông tin và hoạt động, địa chỉ, cách thức liên lạc, khung chương trình học cũng như tạo tài khoản để đăng nhập vào hệ thống.

Actor	Description
Admin	<ul style="list-style-type: none"> - Có quyền đăng nhập vào hệ thống. - Có quyền xem chi tiết,tìm kiếm, chỉnh sửa, khóa, thêm mới, xóa giáo viên , phụ huynh và học sinh. - Có quyền phê duyệt các phản hồi , đề xuất và bình chọn của phụ huynh và giáo viên . - Có quyền thêm, thay đổi phương thức thanh toán học phí. - Cung cấp khung chương trình học và giảng dạy.
Giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký, đăng nhập vào hệ thống . - Có quyền quản lý, cập nhật danh sách và nhận xét các học sinh lớp mình. - Có quyền đề xuất và bình chọn các hoạt động sẽ diễn ra . - Có quyền điểm danh và thông báo trẻ vắng mặt trên hệ thống. - Có quyền xem camera trực tuyến.
Phụ huynh	<ul style="list-style-type: none"> - Có quyền đăng ký, đăng nhập vào hệ thống. - Có quyền xem thông tin và đánh giá giáo viên đang dạy lớp con mình. - Có quyền gửi các đơn từ hành chính trên hệ thống. - Có quyền xem khung chương trình để đăng ký, hủy lớp học, khóa học và tiến độ học tập của trẻ. - Có quyền đề xuất, bình chọn và đánh giá các hoạt động của nhà trường. - Có quyền xem và đóng học phí.

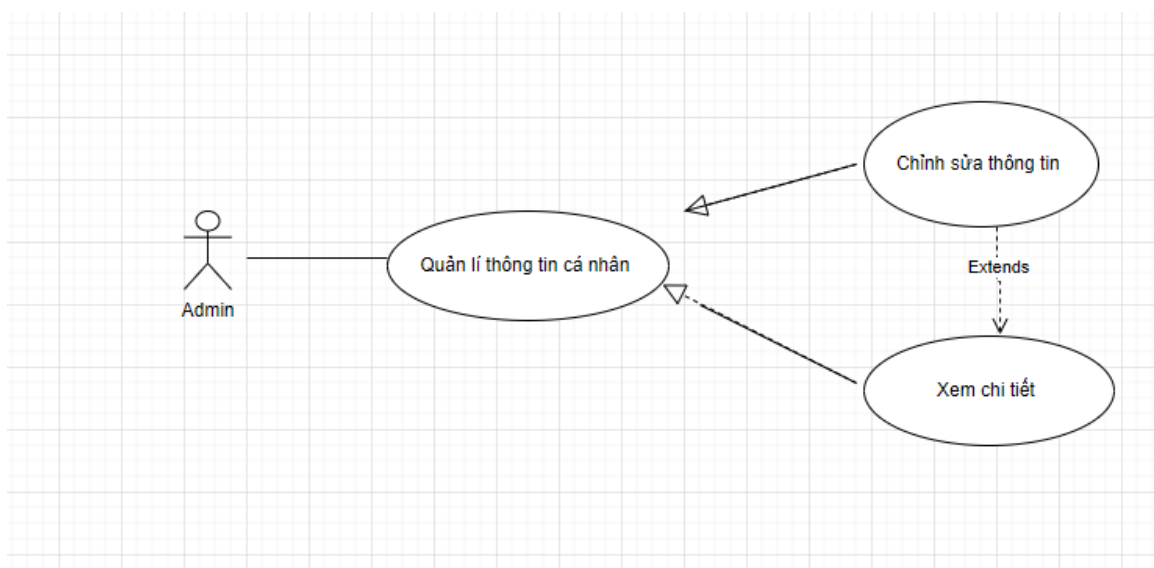
	<ul style="list-style-type: none"> - Có quyền xem camera trực tuyến.
Guest	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký tài khoản. - Xem thông tin trên trang chủ của nhà trường.

5.2. System Use Case Diagram

Sơ đồ sau đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về các nhóm chức năng, tác nhân tham gia vào “Xây dựng hệ thống và quản lý trường mầm non ABC”.

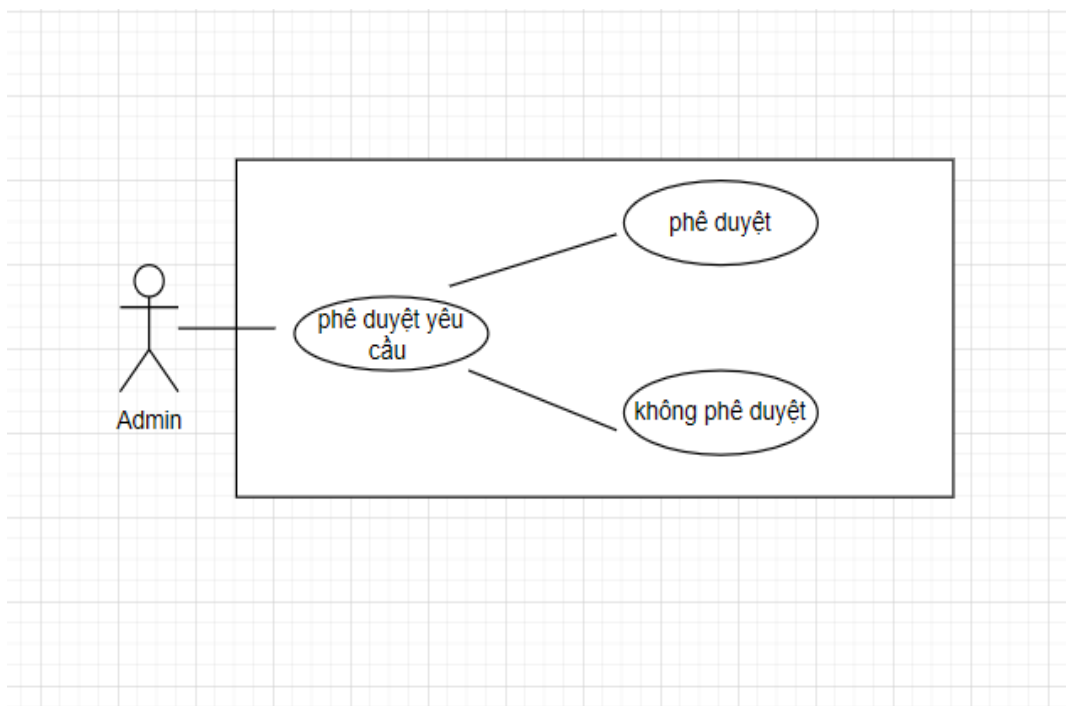
5.2.1. Admin

5.2.1.1. Quản lý thông tin cá nhân

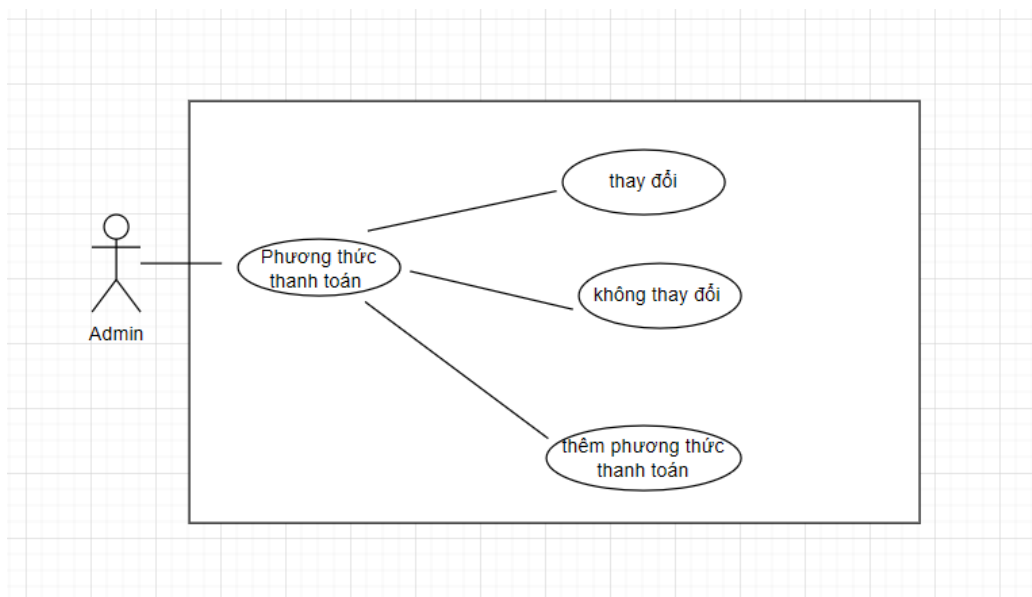


5.2.1.2. Quản lý User

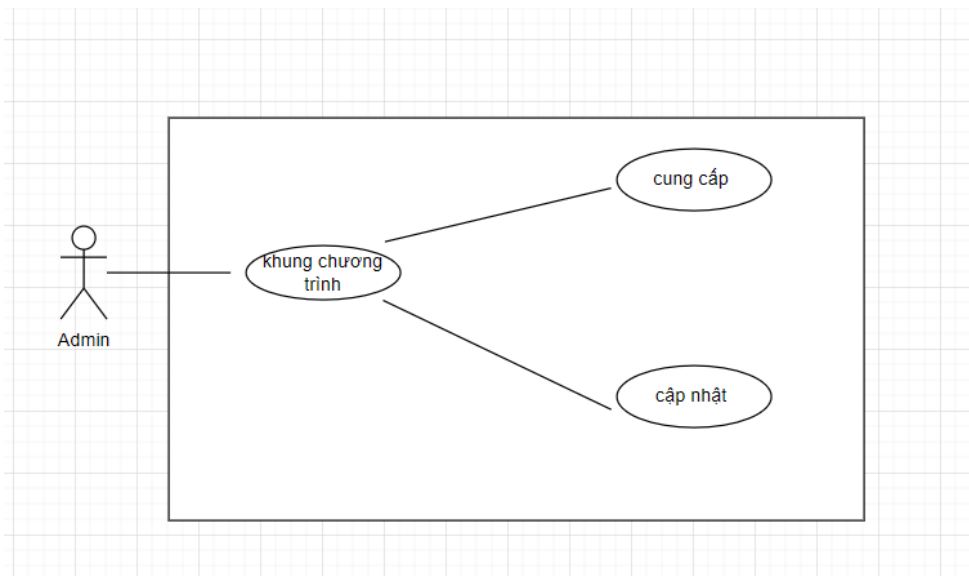
5.2.1.3. Có quyền phê duyệt các phản hồi, đề xuất và bình chọn



5.2.1.4. Có quyền thay đổi phương thức thanh toán học phí

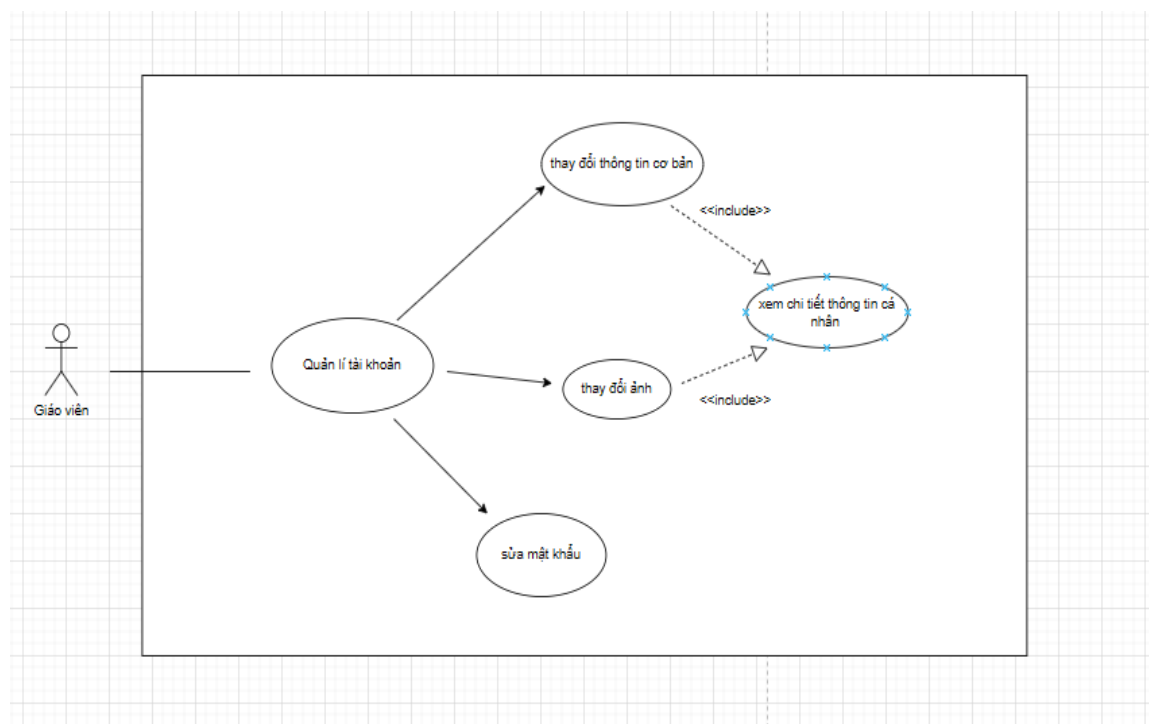


5.2.1.5. Có quyền cung cấp, thay đổi khung chương trình học

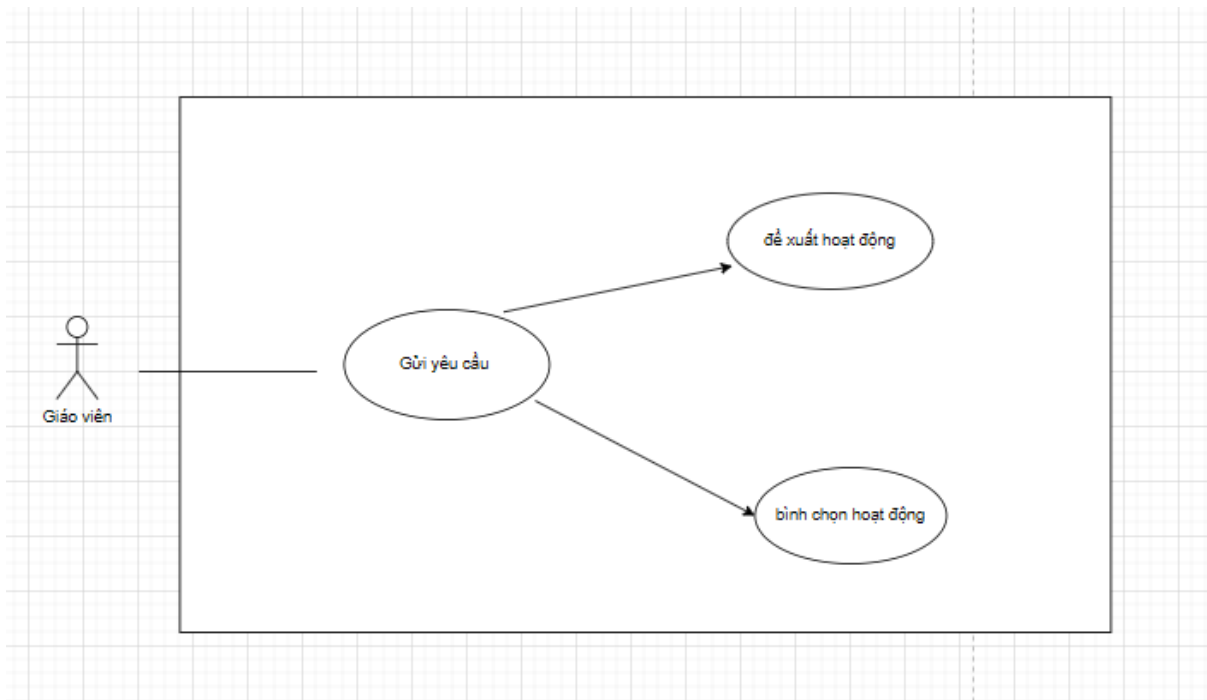


5.2.2. Giáo viên

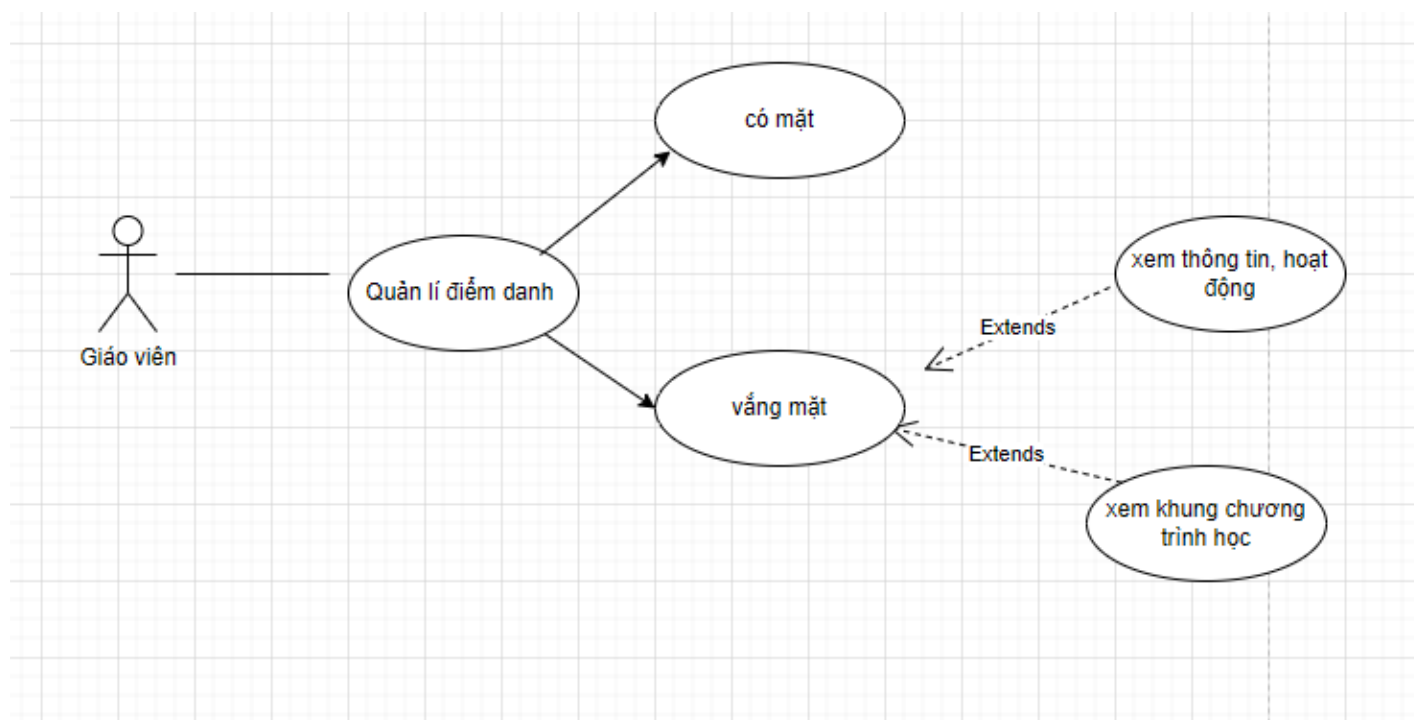
5.2.2.1. Quản lý tài khoản



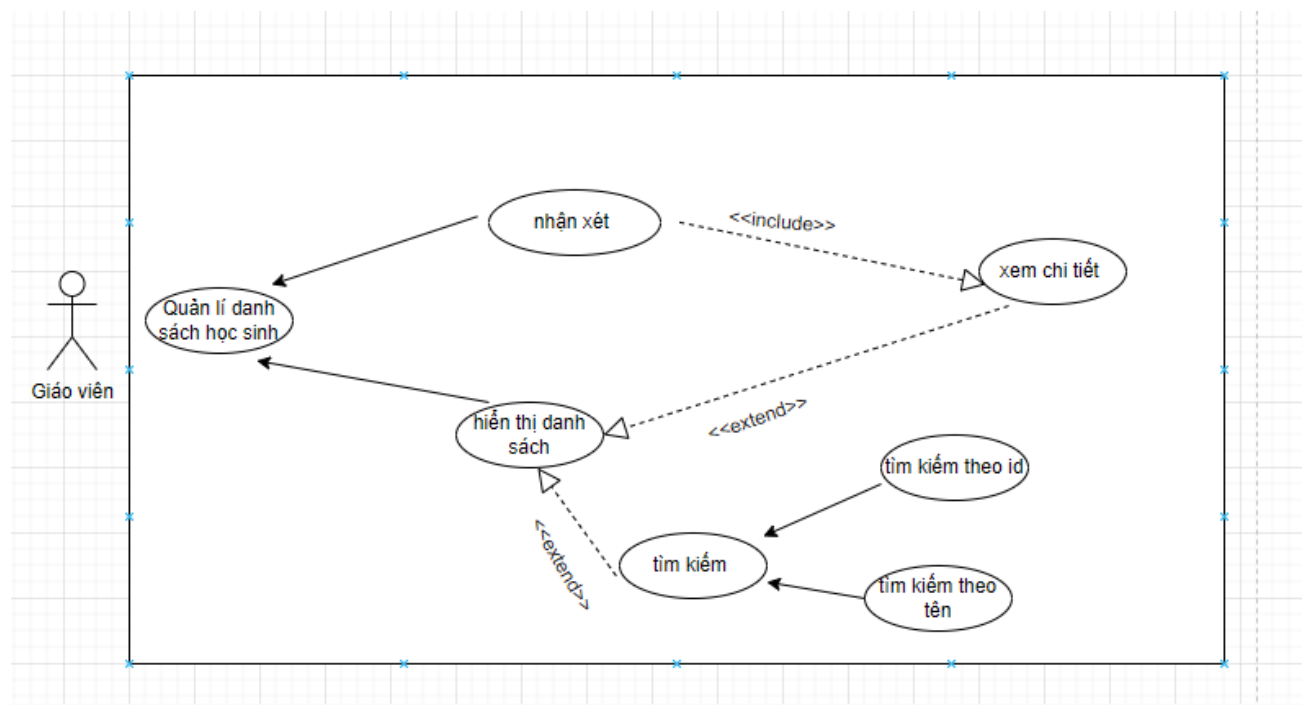
5.2.2.2. Có quyền đề xuất và bình chọn các hoạt động sẽ diễn ra



5.2.2.3. Có quyền điểm danh và thông báo trễ vắng mặt trên hệ thống

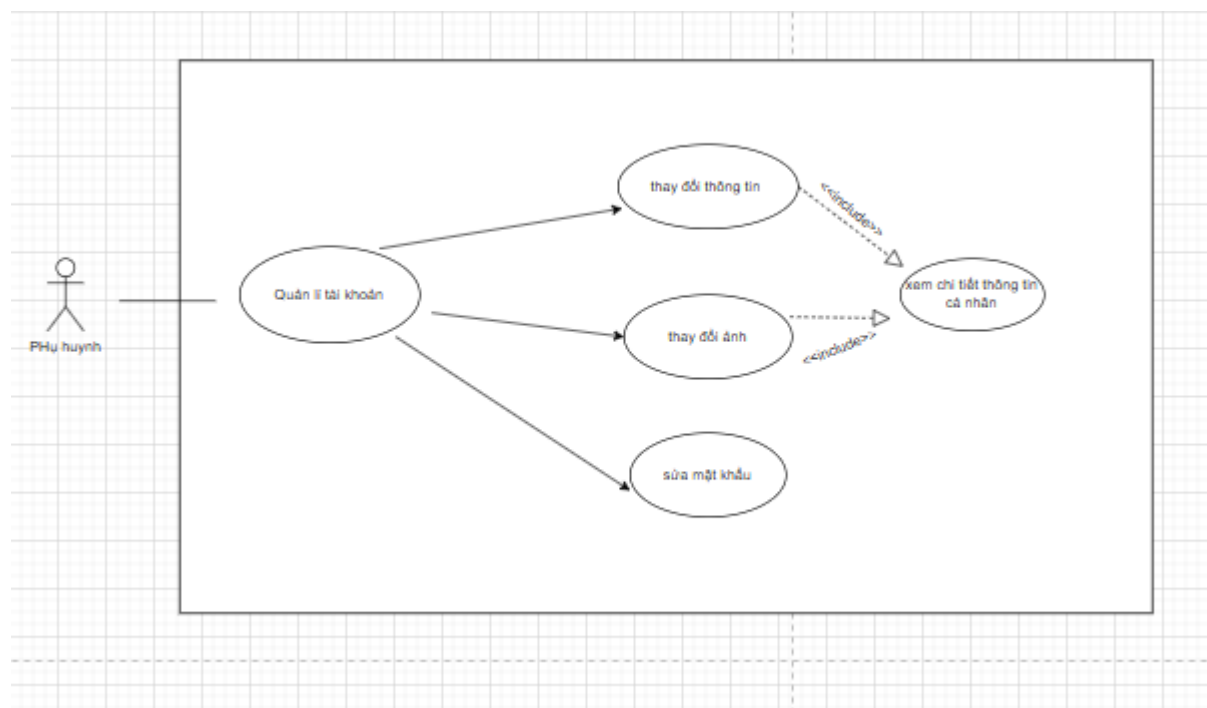


5.2.2.4. Có quyền quản lý danh sách học sinh lớp mình

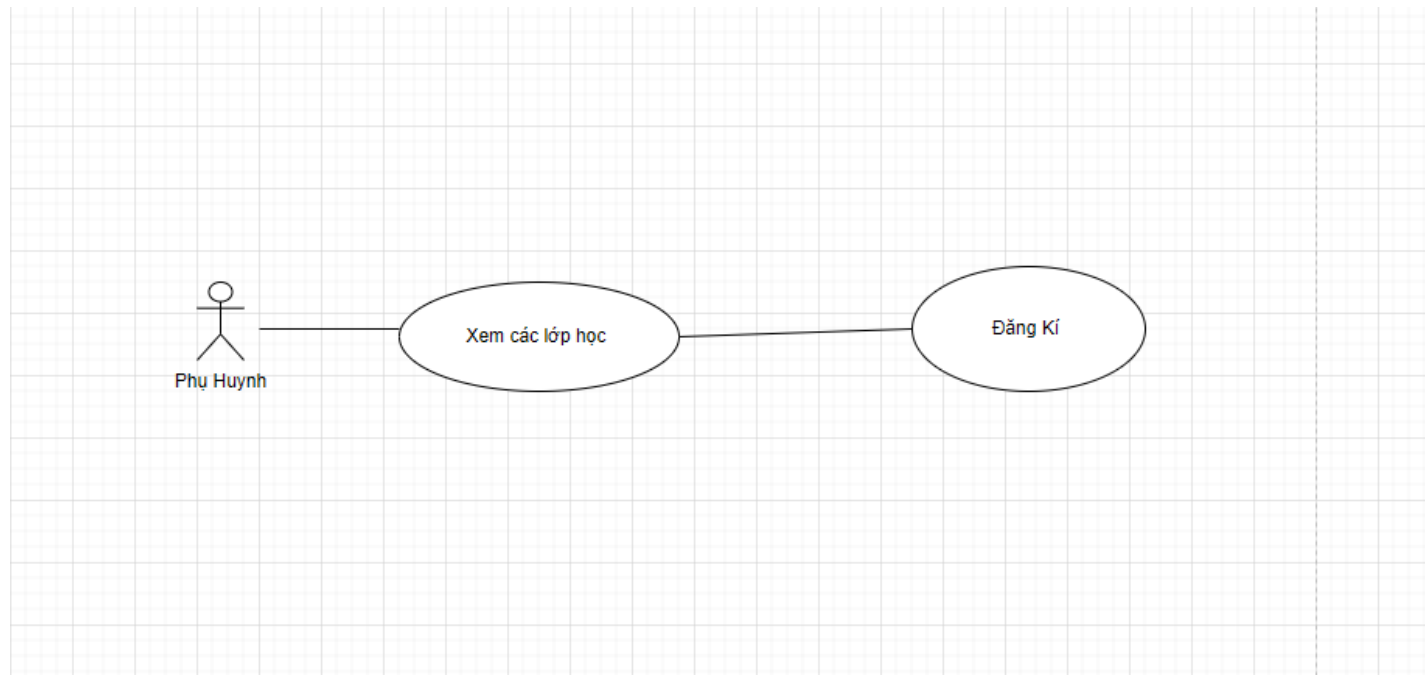


5.2.3. Phụ Huynh

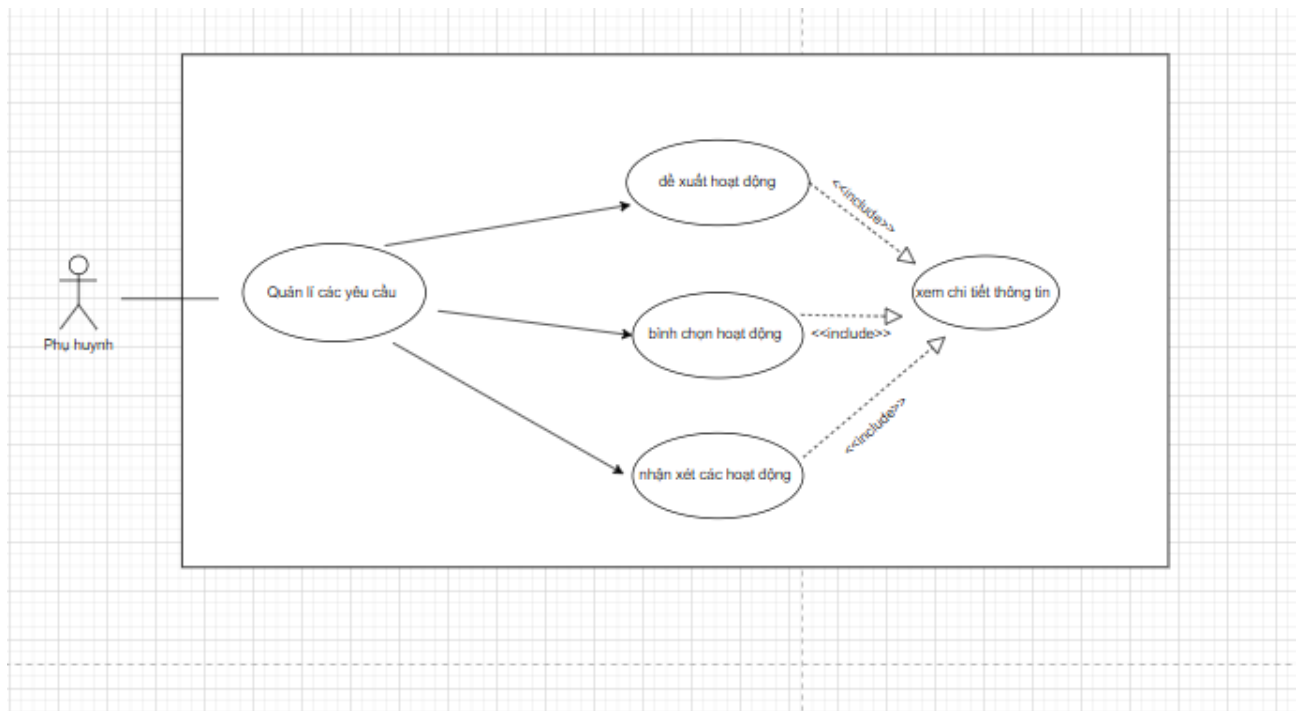
5.2.3.1. Quản lý tài khoản



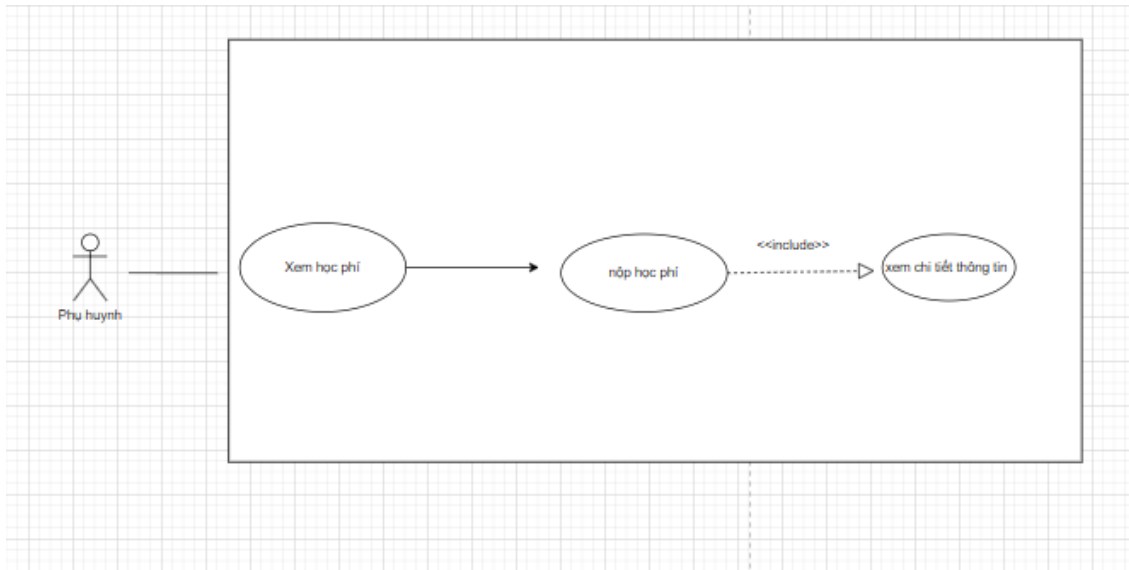
5.2.3.2. Có quyền đăng ký khóa học, lớp học



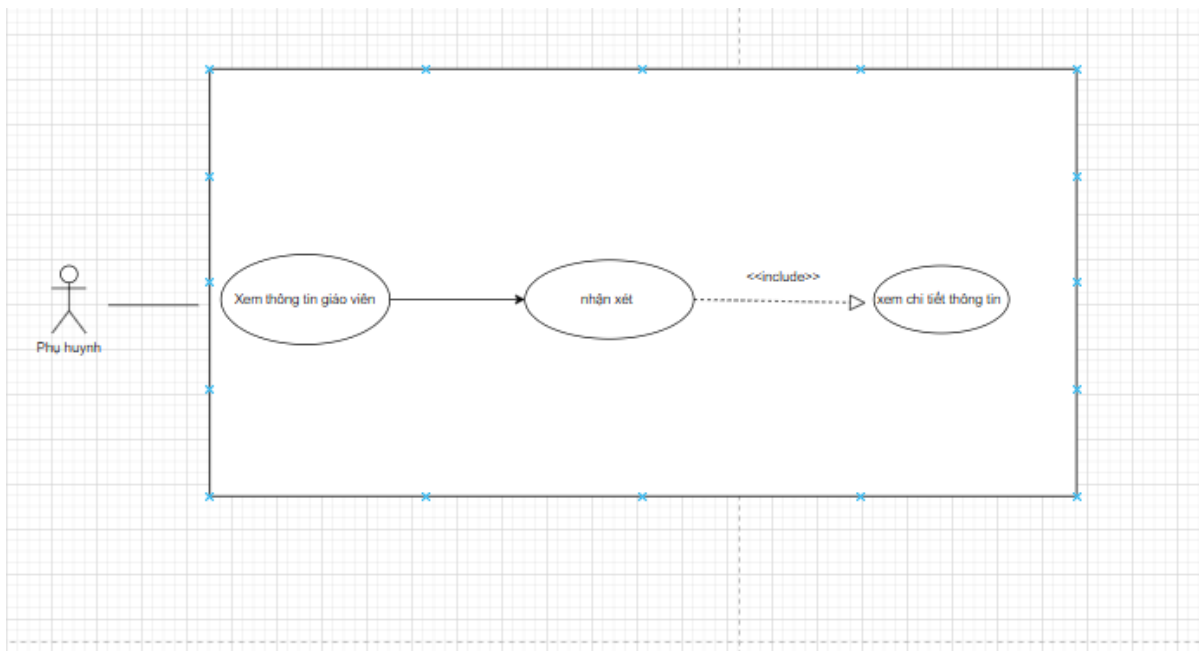
5.2.3.2. Có quyền đề xuất và bình chọn và nhận xét các hoạt động của nhà trường



5.2.3.3. Có quyền xem và nộp học phí

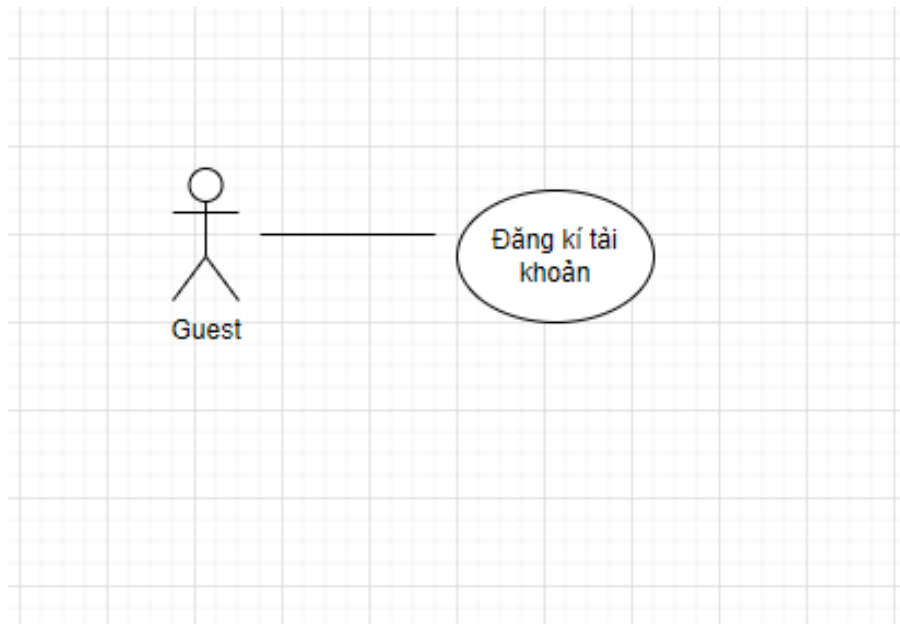


5.2.3.4. Có quyền xem và đánh giá giáo viên

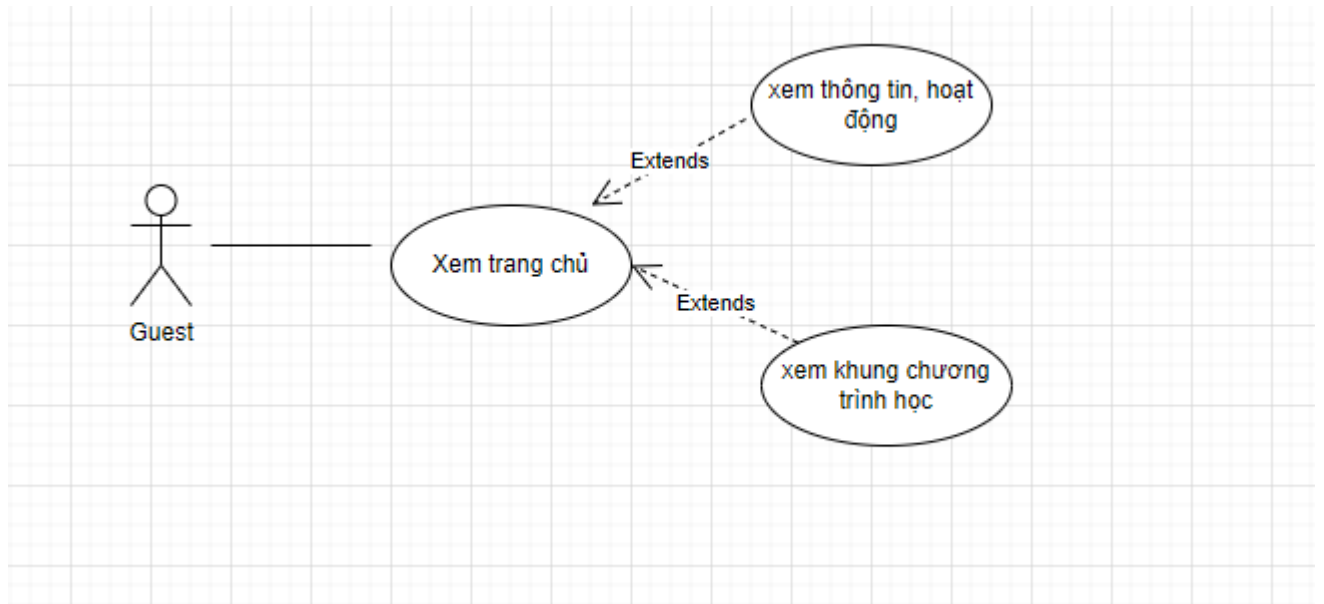


5.2.3. Guest

5.2.3.1. Đăng ký tài khoản



5.2.3.2. Xem thông tin trên trang chủ



6. FUNCTIONAL DESCRIPTION

6.1. Admin

6.1.1. Quản lý thông tin cá nhân

6.1.1.1. Đăng nhập

Kid ABC

<http://Kidabc.edu.vn/login>

đăng nhập

Email or phone *

Password *

Screen	- Đăng nhập.		
Description	- Cho phép admin đăng nhập vào hệ thống.		
Screen Access	- Admin chọn Đăng nhập ở màn hình Trang chủ .		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description

Tài khoản	Textbox – String(50)		Cho admin nhập email hoặc số điện thoại.
Mật khẩu	Password – String(100)		Cho admin nhập mật khẩu
Đăng nhập	Button		Đăng nhập vào hệ thống.
Hủy	Button		Hủy đăng nhập và quay về trang chủ.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Đăng nhập	<p>Khi admin kích nút đăng nhập, hệ thống sẽ kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu, nếu dữ liệu không hợp lệ sẽ hiển thị thông báo “Dữ liệu không hợp lệ”, nếu dữ liệu hợp lệ thì tiếp tục kiểm tra Tài khoản với mật khẩu tương ứng có tồn tại trong hệ thống hay không, nếu có thì cho admin đăng nhập vào hệ thống, nếu không thì hiển thị thông báo “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng”.</p> <p>Khi không nhập tài khoản hoặc mật khẩu thì hiển thị thông báo “Trường này là bắt buộc”.</p>	Vào màn chính của trang quản lý User: Hiển thị danh sách User.	<p>Hiện thông báo : “Dữ liệu không hợp lệ”.</p> <p>Hiện thông báo: “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng”.</p>
Hủy	Đóng màn hình đăng nhập và quay trở về trang chủ.	Trở về màn hình trang chủ.	

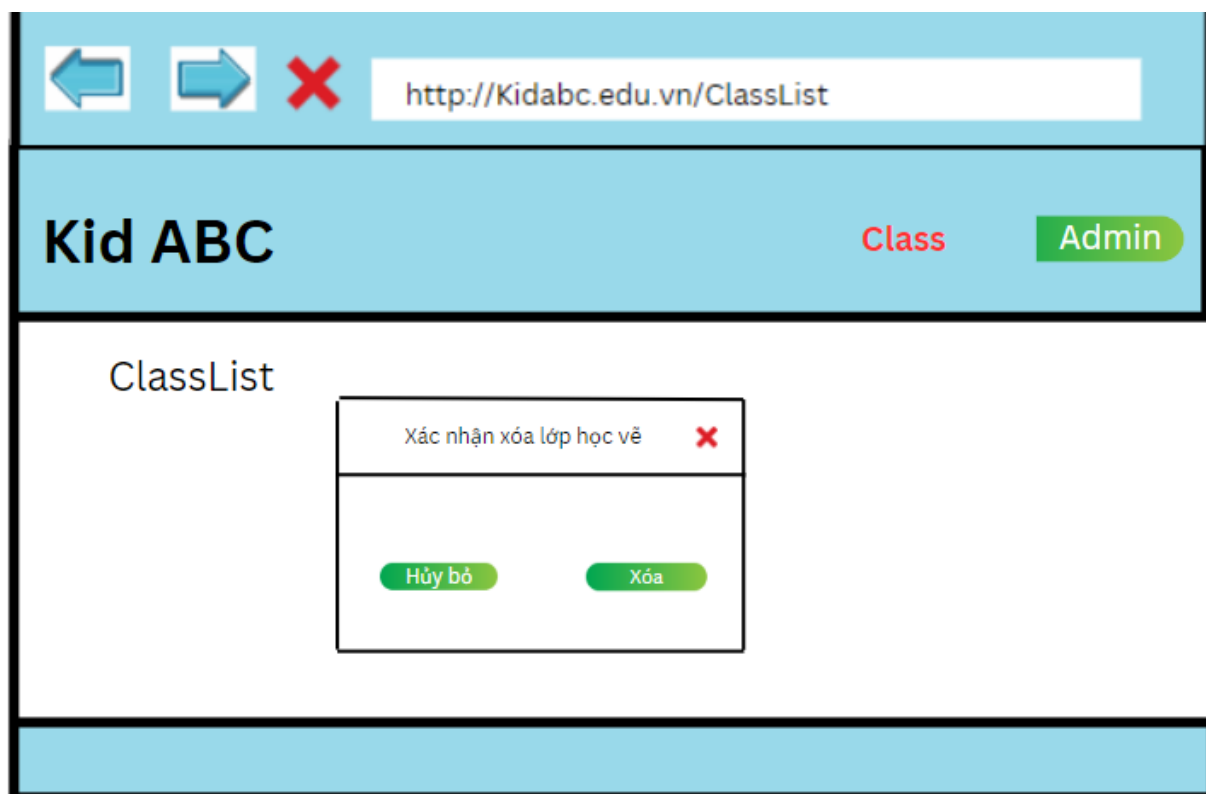
6.1.1.2. Chỉnh sửa mật khẩu

Screen	- Đổi mật khẩu.		
Description	- Cho phép người đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống.		
Screen Access	- Người dùng chọn Thông tin cá nhân, rồi chọn Đổi mật khẩu.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Mật khẩu cũ	Password – String(100)		Ô điền mật khẩu cũ đăng nhập vào hệ thống.

Mật khẩu mới	Password – String(100)		Ô điền mật khẩu mới đăng nhập vào hệ thống.
Xác nhận mật khẩu mới	Password – String(100)		Ô điền lại mật khẩu mới để xác nhận một lần nữa trước khi thay đổi.
Đổi mật khẩu	Button		Thực hiện việc đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Đổi mật khẩu	<p>Khi người dùng kích nút đổi mật khẩu, hệ thống sẽ kiểm tra mật khẩu cũ nếu chưa chính xác thì hiển thị Mật khẩu cũ không đúng, sau đó hệ thống so khớp mật khẩu mới và mật khẩu cũ nếu giống nhau thì hiển thị Mật khẩu mới trùng với mật khẩu cũ.</p> <p>Trường hợp mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu không trùng nhau thì hiển thị thông</p>	Hiển thị thông báo “Đổi mật khẩu thành công”.	<p>Hiện thông báo : “Mật khẩu cũ trùng với mật khẩu mới”.</p> <p>Hiện thông báo: “Mật khẩu cũ chưa chính xác”.</p> <p>Hiện thông báo: “Mật khẩu xác nhận chưa chính xác”.</p>

	báo “Mật khẩu xác nhận chưa chính xác”.		
--	---	--	--

6.1.1.2. Xóa môn học



Screen	- Xoá môn.		
Description	- Cho phép Admin xóa môn học.		
Screen Access	- Admin kích vào nút xóa ở trang Thay đổi môn học.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description

Có	Button		Kích vào xóa nếu muốn xóa môn.
Không	Button		Click vào hủy bỏ nếu không muốn xóa môn nữa.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Không	Người dùng kích nút “Không” nếu không muốn xóa môn này.	Tắt popup, hiển thị trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Có	Người dùng kích nút “Có” khi đã chắc chắn muốn xóa môn này.	Màn hình hiển thị thông báo “Xóa thành công” và quay về màn hình hiển thị các môn.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

6.1.2. Quản lý giáo viên

Use Case Name	- Quản lý Giáo viên.
Use Case ID	- UC02.
High Level Requirement Ref	- Cho phép admin quản lý thông tin của Giáo viên: tạo mới, cấp quyền, khóa, chỉnh sửa, xóa, xem chi tiết, hiển thị danh sách Giáo viên.
Actor	- Admin.
Description	- Tất cả các thông tin Giáo viên được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể tạo mới, khóa, chỉnh sửa, xóa, xem chi tiết, hiển thị danh sách Giáo viên.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Admin kích vào Quản lý Giáo viên ở menu.
Post-processing	

6.1.2.1. Thêm giáo viên

Screen	- Thêm Giáo Viên.		
Description	- Cho phép admin thêm giáo viên.		
Screen Access	- Người quản lý chọn Quản lý giáo viên -> Thêm giáo viên.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tên giáo viên, trẻ	Text field – String (50)		Ô nhập họ tên giáo viên.
Ngày sinh	Date Picker		Ô nhập hoặc chọn ngày sinh.
Giới tính	RadioButton		Nút chọn giới tính.

Địa chỉ	Text field – String (50)		Ô nhập địa chỉ.
Số điện thoại	Text field – String (50)		Ô nhập số điện thoại.
Email	Text field – String (50)		Ô nhập Email.
Tài khoản	Text field – String (50)		Ô nhập tên tài khoản.
Mật khẩu	Password – String(100)		Ô nhập mật khẩu.
Lớp	ComboBox		Ô chọn lớp.
Trở về	Button		Người dùng kích vào Trở khi muốn quay về trang trước.
Làm mới	Button		Người dùng kích vào Làm mới khi muốn xóa tất cả các dữ liệu nhập trước đó.
Thêm	Button		Người dùng kích vào Thêm khi muốn thêm User vào Database.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Trở về	Khi người dùng kích vào Trở về thì hệ thống sẽ chuyển đến màn hình trước đó.	Hiển thị màn hình trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.
Làm mới	Khi người dùng kích vào Làm mới thì hệ thống sẽ xóa hết thông tin nhập trước đó.	Xóa hết thông tin nhập trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.

Thêm	Khi người dùng kích vào Thêm hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.	Trở về màn hình Danh sách giảng viên và hiển thị thông báo “Thêm giảng viên thành công”.	<p>Khi để trống ô Họ tên -> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền họ tên”.</p> <p>Khi số điện thoại người dùng nhập không phải là số hoặc là số có số chữ số lớn hơn 11 hoặc bé hơn 10 -> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng nhập đúng định dạng số điện thoại”.</p> <p>Khi để trống ô Số điện thoại->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Số điện thoại”.</p> <p>Khi để trống ô Tài khoản->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Tài khoản”.</p> <p>Khi để trống ô Mật khẩu->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Mật khẩu”.</p> <p>Khi mật khẩu người dùng nhập có độ dài nhỏ hơn 6 hoặc lớn 32 -> Hệ thống sẽ thông báo “Độ dài mật khẩu phải từ 6 đến 32 ký tự”.</p>
------	--	--	---

			<p>Khi chưa chọn Lớp->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng lựa chọn lớp”.</p> <p>Khi chưa chọn hoặc chưa nhập ngày sinh.</p> <p>->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng chọn ngày sinh”.</p> <p>Khi nhập sai ngày sinh dd/mm/yyyy</p> <p>-> Hệ thống sẽ thông báo “Ngày sinh không đúng định dạng”.</p> <p>Khi chưa nhập email</p> <p>-> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng nhập email”.</p> <p>Khi nhập Email sai định dạng bắt đầu bằng chữ cái, có ký tự @ và “.” ví dụ abc@gmail.com</p> <p>->Hệ thống sẽ thông báo “Email sai định dạng bắt đầu bằng chữ cái, có ký tự @ và “.””.</p> <p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p>
--	--	--	---

6.1.2.2. Hiển thị danh sách giáo viên

Navigation icons: Back, Forward, Error (X)

URL:

Usermanager Admin

Quản lý người dùng

Giáo viên

Id	Họ tên	Số điện thoại	Lớp	Email	Chức năng
1	Võ Đức Hoàng	0123456789	Nhờ 1	vdh@gmail.com	Xem chi tiết
2	Lê Thị Mỹ Hạnh	0123456788	Nhờ 2	lthanh@gmail.com	Xem chi tiết
3	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	0123456799	Lớn	nttnguyen@yahoo.com	Xem chi tiết
4	Mai Văn Hà	0123456777	Mầm 1	mvha@outlook.com	Xem chi tiết
5	Trần Thế Vũ	0123456778	Mầm 2	ttvu@outlook.com	Xem chi tiết

Page: << 1 2 3 >>

Screen	- Danh sách giáo viên.		
Description	- Hiện thị danh sách giáo viên.		
Screen Access	- Người quản lý chọn Quản lý giáo viên -> Danh sách giáo viên.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tìm kiếm	Search Box		Ô nhập dữ liệu tìm kiếm.
Tiêu chí tìm kiếm	ComboBox		Ô chọn tiêu chí tìm kiếm.

Tìm kiếm	Button		Nút nhấn tìm kiếm.
ID	Label - Integer		Hiển thị mã của giảng viên.
Họ tên	Label - String (50)		Hiển thị tên của giảng viên.
Lớp	Label -String(50)		Hiển thị lớp của giảng viên.
Số điện thoại	Label - String(50)		Hiển thị số điện thoại của giảng viên.
Email	Label – String(20)		Hiển thị Email của giảng viên.
Xem chi tiết	Link		Khi người dùng kích vào Xem ở dòng nào thì sẽ hiện ra trang chi tiết thông tin tương ứng của giảng viên ở dòng đó.
Phân trang	Link		Cho phép phân trang nếu dữ liệu lớn.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào Tìm kiếm thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm giảng viên theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ giảng viên ra bảng danh sách giảng viên. Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách giảng viên.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu” Khi hệ thống không tìm thấy giảng viên nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”.
Xem	Khi người dùng kích vào Xem ở dòng nào thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn lấy thông tin của giảng viên tương ứng ở dòng đó. Sau đó hệ thống sẽ chuyển đến màn hình Xem chi tiết thông tin giảng viên.	Hiển thị màn hình “Xem chi tiết giảng viên”.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.
Phân trang	Khi có nhỏ hơn hoặc bằng 10 trường dữ liệu thì không có phần phân trang. Khi có hơn 10 trường dữ liệu thì hiển thị phân trang. Nhấn vào mỗi trang sẽ chuyển đến trang đó. Nhấn vào nút <</>> sẽ chuyển đến trang kế trước/kế sau trang hiện tại nếu vẫn còn trang trước/sau.	Chuyển đến trang được yêu cầu.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.

6.1.2.3. Xem chi tiết thông tin giáo viên

The screenshot shows a web browser window with the URL `http://Kidabc.edu.vn/Usermanager`. The page title is "Usermanager" and the user role is "Admin". The main content area is titled "Xem thông tin chi tiết giáo viên" (View teacher details). On the left, there is a sidebar with a "Quản lý giáo viên" (Manage teachers) button and a "Quản lý Trẻ" (Manage children) button. The main content area displays the following information:

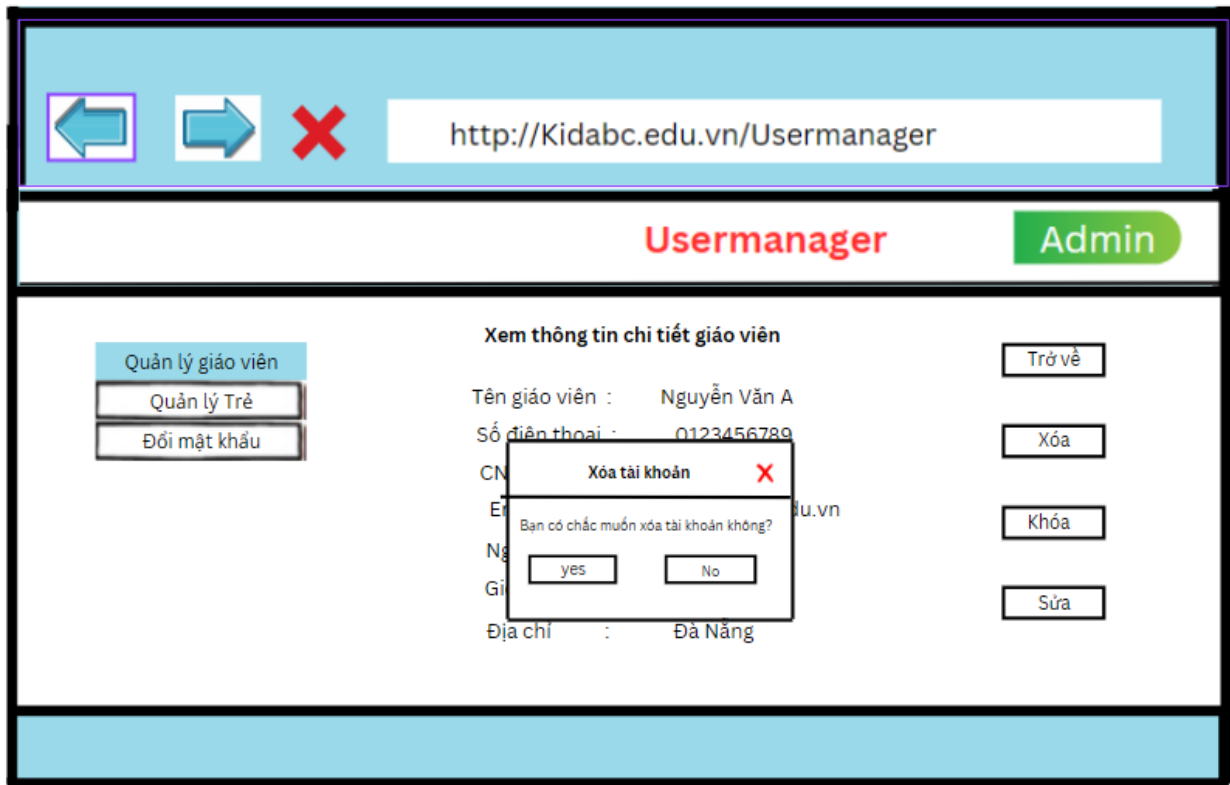
Xem thông tin chi tiết giáo viên		
Tên giáo viên :	Nguyễn Văn A	<input type="button" value="Trở về"/>
Số điện thoại :	0123456789	<input type="button" value="Xóa"/>
CN Lớp :	nh01	<input type="button" value="Khóa"/>
Email :	nva@kid.edu.vn	<input type="button" value="Sửa"/>
Ngày sinh :	01/01/1995	
Giới tính :	Nam	
Địa chỉ :	Đà Nẵng	

Screen	- Xem chi tiết thông tin Giáo viên.		
Description	- Cho phép admin xem tất cả các thông tin của giảng viên: Họ tên, Số điện thoại, giới tính, số điện thoại, email, địa chỉ, tài khoản, lớp.		
Screen Access	- Admin kích vào Quản lý User -> Chọn “Quản lý giáo viên” -> kích “Xem” ở cột thao tác.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Họ tên	Label-String (50)		Hiển thị Họ tên đầy đủ của Giáo viên.

Số điện thoại	Label – String (20)		Hiển thị Số điện thoại liên lạc của Giáo viên.
Giới tính	Label- String(20)		Hiển thị Giới tính của Giáo viên.
Địa chỉ	Label-String (100)		Hiển thị Địa chỉ thường trú Giáo viên.
Email	Label-String (100)		Hiển thị Thư điện tử của Giáo viên.
Tài khoản	Label-String (100)		Hiển thị tên tài khoản của người dùng.
Lớp	Label- String(50)		Hiển thị Lớp của Giáo viên đó.
Trở về	Button		Kích khi đã xem xong thông tin.
Xóa	Button		Kích khi muốn xóa Giảng viên đó.
Chỉnh sửa	Button		Kích khi muốn chỉnh sửa Giảng viên đó.
Khóa	Button		Kích khi muốn khóa Giảng viên đó.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Trở về	Người dùng kích nút “Trở về” khi đã xem xong thông tin và không muốn chỉnh sửa gì thêm.	Màn hình hiển thị trang trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xóa	Người dùng kích nút “Xóa” hệ thống sẽ hiện lên popup thông báo rằng có chắc chắn xóa Giảng viên này không.	Màn hình hiển thị thông báo “Xóa thành công” và quay về màn hình danh sách Giảng viên.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Chỉnh sửa	Người dùng kích nút “Chỉnh sửa” hệ thống sẽ chuyển đến trang chỉnh sửa Giảng viên.	Màn hình hiển thị form chỉnh sửa thông tin của Giảng viên.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Khóa	Người dùng kích nút “Khóa” hệ thống sẽ hiện lên popup thông báo rằng có chắc chắn khóa Giảng viên này không.	Màn hình hiển thị thông báo “Khóa thành công” và màn hình vẫn ở trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

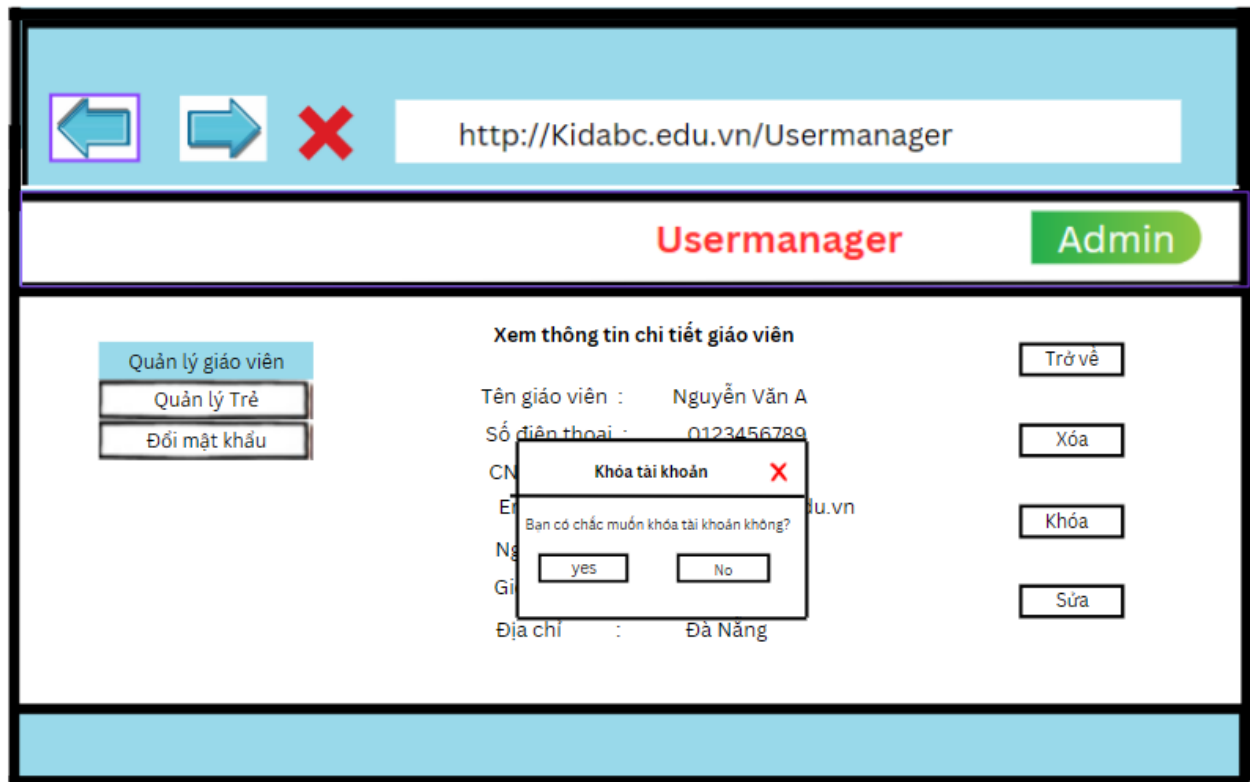
6.1.2.4. Xóa giáo viên



Screen	- Xoá giáo viên.		
Description	- Cho phép Admin xóa giáo viên.		
Screen Access	- Admin kích vào Quản lý Giáo viên -> Chọn “Quản lý giáo viên” -> kích “Xem” -> kích “Xóa”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tiêu đề	Label-String (20)		Hiển thị tiêu đề của popup.
Nội dung	Label – String (50)		Hiển thị nội dung popup, cảnh báo người dùng hãy chắc chắn nếu muốn xóa.

Có	Button		Kích vào “Có” nếu muốn xóa Giáo viên.
Không	Button		Kích vào “Không” nếu không muốn xóa Giáo viên nữa.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Không	Người dùng kích nút “Không” nếu không muốn xóa Giáo viên này.	Tắt popup, hiển thị trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Có	Người dùng kích nút “Có” khi đã chắc chắn muốn xóa Giáo viên này.	Màn hình hiển thị thông báo “Xóa thành công” và quay về màn hình danh sách Giáo viên.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

6.1.2.5. Khóa tài khoản Giảng viên.



Screen	- Xoá tài khoản Giáo viên.		
Description	- Cho phép Admin khóa Giáo viên.		
Screen Access	- Admin kích vào Quản lý Giáo viên -> Chọn “Quản lý Giáo viên” -> kích “Xem” -> kích “Khóa”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tiêu đề	Label-String (20)		Hiển thị tiêu đề của popup.
Nội dung	Label – String (50)		Hiển thị nội dung popup, cảnh báo người dùng hãy chắc chắn nếu muốn khóa.

Có	Button		Kích vào “Có” nếu muốn khóa Giáo viên.
Không	Button		Kích vào “Không” nếu không muốn khóa Giáo viên nữa.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Không	Người dùng kích nút “Không” nếu không muốn khóa Giáo viên này.	Tắt popup, hiển thị trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Có	Người dùng kích nút “Có” khi đã chắc chắn muốn khóa Giáo viên này.	Màn hình hiển thị thông báo “Khóa thành công” và quay về màn hình hiện tại. Khi đó giảng viên đó sẽ không login vào được cho đến khi được mở lại tài khoản.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

6.1.2.6. Chỉnh sửa thông tin Giáo viên

Screen	<ul style="list-style-type: none">- Chỉnh sửa Giáo viên		
Description	<ul style="list-style-type: none">- Cho phép Admin chỉnh sửa các thông tin Giáo viên như Họ tên, Số điện thoại, Ngày sinh, Giới tính, Địa chỉ, Email, Tài khoản, Mật khẩu, Quyền.		
Screen Access	<ul style="list-style-type: none">- Quản lý kích vào Quản lý Giáo viên -> Chọn “Quản lý Giáo viên” -> kích “Xem” -> kích “Chỉnh sửa”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Họ tên	Text field – String (50)		Ô nhập họ tên.

Ngày sinh	Date Picker		Ô nhập hoặc chọn ngày sinh.
Giới tính	RadioButton		Nút chọn giới tính.
Địa chỉ	Text field – String (50)		Ô nhập địa chỉ.
Số điện thoại	Text field – String (50)		Ô nhập số điện thoại.
Email	Text field – String (50)		Ô nhập Email.
Tài khoản	Text field – String (50)		Ô nhập tên tài khoản.
Mật khẩu	Password – String(100)		Ô nhập mật khẩu.
Lớp	ComboBox		Ô chọn lớp của tài khoản.
Trở về	Button		Người dùng kích vào Trở về khi muốn quay về trang trước.
Làm mới	Button		Người dùng kích vào Làm mới khi muốn xóa tất cả các dữ liệu nhập trước đó.
Lưu	Button		Người dùng kích vào Lưu khi muốn cập nhật thông tin Giảng viên vào Database.

Screen Actions

Action Name	Description	Success	Failure
Trở về	Khi người dùng kích vào Trở về thì hệ thống sẽ chuyển đến màn hình trước đó.	Hiển thị màn hình trước đó.	
Làm mới	Khi người dùng kích vào Làm mới thì hệ thống sẽ xóa hết thông tin nhập trước đó.	Xóa hết thông tin nhập trước đó.	

Lưu	<p>Khi người dùng kích vào Lưu hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. nếu dữ liệu hợp lệ thì hệ thống cập nhật dữ liệu vào database, ngược lại hiện thông báo lỗi.</p>	<p>Trở về màn hình Chi tiết và hiển thị thông báo “Chỉnh sửa Giáo viên thành công”.</p>	<p>Khi để trống ô Họ tên -> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền họ tên”.</p> <p>Khi để trống ô Số điện thoại -> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Số điện thoại”.</p> <p>Khi nhập không đúng định dạng số điện thoại (“là chuỗi số có độ dài chuỗi từ 10 đến 11 chữ số”) -> Hệ thống sẽ thông báo “Số điện thoại sai định dạng”.</p> <p>Khi không chọn Lớp->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng chọn Lớp”.</p> <p>Khi để trống ô Tài khoản->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Tài khoản”.</p> <p>Khi để trống ô Mật khẩu->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Mật khẩu”.</p> <p>Khi nhập mật khẩu có độ dài nhỏ hơn 6 chữ cái và lớn hơn</p>
-----	---	---	--

			<p>32 chữ cái -> Hệ thống sẽ thông báo “Mật khẩu phải từ 6 đến 32 ký tự”.</p> <p>Khi không nhập email-> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền email”.</p> <p>Khi nhập không đúng định dạng email (“bắt đầu bằng chữ cái và chứa ký tự ‘@’ và ‘.’ ”)->Hệ thống sẽ thông báo “Bạn cần nhập đúng định dạng email bắt đầu bằng chữ cái và chứa ký tự ‘@’ và ‘.’ ”.</p> <p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p>
--	--	--	--

6.1.3. Quản lý Trẻ

Use Case Name	- Quản lý Trẻ.
Use Case ID	- UC03.
High Level Requirement Ref	- Cho phép admin quản lý thông tin của Trẻ như tạo mới, chỉnh sửa, xóa, xem chi tiết, duyệt, hiển thị danh sách Trẻ.
Actor	- Admin

Description	- Tất cả các thông tin của Bài đăng được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Admin có thể tạo mới, chỉnh sửa, xóa, xem chi tiết, duyệt, hiển thị danh sách Trẻ.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Admin kích vào Quản lý Trẻ ở menu.
Post-processing	

6.1.3.1. Thêm Trẻ

Screen	- Thêm Trẻ.
Description	- Cho phép Admin thêm Trẻ.

Screen Access	- Người quản lý chọn Quản lý Trẻ ->Nhấn nút Thêm Trẻ .		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Họ tên	Text field – String (50)		Ô nhập họ tên.
Ngày sinh	Date Picker		Ô nhập hoặc chọn ngày sinh.
Số điện thoại phụ huynh	Text field – String (50)		Ô nhập số điện thoại phụ huynh.
Email	Text field – String (50)		Ô nhập Email.
Lớp	ComboBox		Ô chọn lớp.
Giới tính	Radio Button		Người dùng chọn giới tính.
Tài khoản	Text field – String (50)		Ô nhập tên tài khoản.
Mật khẩu	Password – String(100)		Ô nhập mật khẩu.
Trở về	Button		Người dùng kích vào Trở về khi muốn quay về trang trước.
Reset	Button		Người dùng kích vào Reset khi muốn xóa tất cả các dữ liệu nhập trước đó.

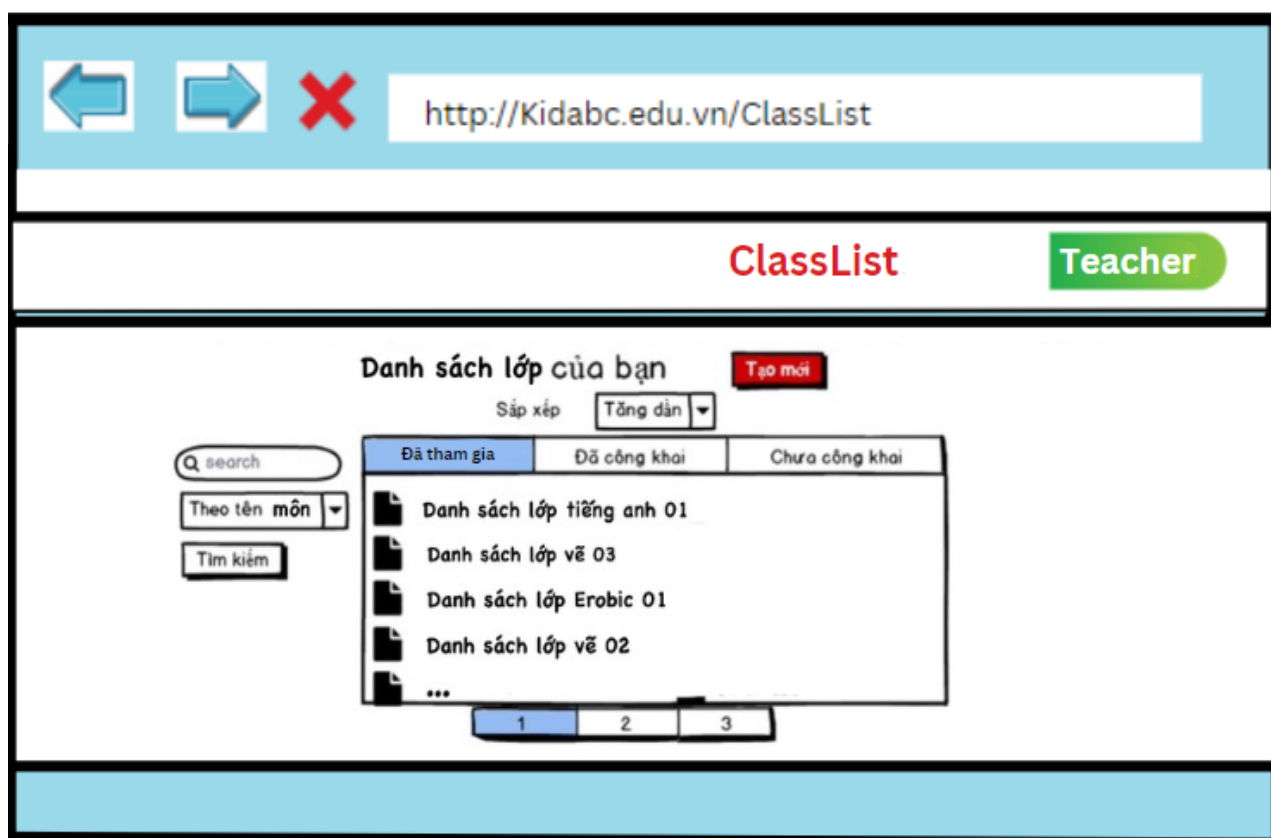
Thêm	Button		Người dùng kích vào Thêm khi muốn thêm Trẻ vào Database.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Trở về	Khi người dùng kích vào Trở về thì hệ thống sẽ chuyển đến màn hình trước đó.	Hiển thị màn hình trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.
Nhập lại	Khi người dùng kích vào Nhập lại thì hệ thống sẽ xóa hết thông tin nhập trước đó.	Xóa hết thông tin nhập trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.

Thêm	<p>Khi người dùng kích vào Thêm hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. nếu dữ liệu hợp lệ thì lưu dữ liệu nhập vào database, ngược lại hiện thông báo lỗi.</p>	<p>Trở về màn hình Danh sách Sinh viên và hiển thị thông báo “Thêm Sinh viên thành công”.</p>	<p>Khi để trống ô Họ tên->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền họ tên”.</p> <p>Khi để trống ô Số điện thoại->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Số điện thoại”.</p> <p>Khi nhập không đúng định dạng số điện thoại là là chuỗi số có độ dài từ 10 đến 11 chữ số->Hệ thống sẽ thông báo “Số điện thoại sai định dạng”.</p> <p>Khi để trống ô Email->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Email”.</p> <p>Khi không nhập email->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền email”.</p> <p>Khi nhập không đúng định dạng email(“bắt đầu bằng chữ cái và chứa ký tự ‘@’ và ‘.’ ”)->Hệ thống sẽ thông báo “Bạn cần nhập đúng định dạng email bắt đầu bằng chữ cái và chứa ký tự ‘@’ và ‘.’ ”.</p> <p>Khi không chọn lớp ->Hệ thống sẽ thông</p>
------	---	---	--

			<p>báo “Vui lòng chọn lớp”.</p> <p>Khi không nhập ngày sinh -> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng nhập ngày sinh”.</p> <p>Khi nhập ngày sinh không đúng định dạng dd/MM/YYYY-> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng nhập ngày sinh đúng định dạng dd/MM/YYYY”.</p> <p>Khi không chọn giới tính-> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng chọn giới tính”.</p> <p>Khi để trống ô Tài khoản-> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Tài khoản”.</p> <p>Khi để trống ô Mật khẩu-> Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Mật khẩu”.</p> <p>Khi nhập mật khẩu có độ dài nhỏ hơn 6 chữ cái và lớn hơn 32 chữ cái -> Hệ thống sẽ thông báo “Mật khẩu phải từ 6 đến 32 ký tự”.</p> <p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị</p>
--	--	--	---

			thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.
--	--	--	--

6.1.3.2. Hiển thị danh sách Trẻ.



Screen	- Danh sách trẻ.		
Description	- Hiện thị danh sách Trẻ.		
Screen Access	- Người quản lý chọn Quản lý Trẻ .		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description

Thêm Sinh viên	Button		Nhấn nút thêm Trẻ.
Tìm kiếm	Search Box		Ô nhập dữ liệu tìm kiếm.
Tiêu chí tìm kiếm	ComboBox		Ô chọn tiêu chí tìm kiếm.
Tìm kiếm	Button		Nút nhấn tìm kiếm.
ID	Label - Integer		Hiển thị mã của Trẻ.
Họ tên	Label - String (50)		Hiển thị tên của Trẻ.
Lớp	Label -String(50)		Hiển thị lớp của Trẻ.
Số điện thoại	Label - String(50)		Hiển thị số điện thoại của Phụ Huynh.
Email	Label – String(50)		Hiển thị Email của Phụ Huynh.
Chức năng	Label – String(20)		Hiển thị chức năng.
Xem chi tiết	Link		Khi người dùng kích vào Xem chi tiết ở dòng nào thì sẽ hiện ra trang chi tiết thông tin tương ứng của Sinh viên ở dòng đó.
Phân trang	Link		Cho phép phân trang nếu dữ liệu lớn.
Screen Actions			

Action Name	Description	Success	Failure
Thêm Trẻ	Khi người dùng kích vào Thêm Trẻ thì hệ thống chuyển sang trang thêm sinh viên.	Màn hình hiển thị trang “Thêm Trẻ”.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào Tìm kiếm thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm Trẻ theo dữ liệu người dùng nhập ở ô “Tìm kiếm”.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ Trẻ ra bảng danh sách Trẻ. Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách Trẻ.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Khi hệ thống không tìm thấy Trẻ nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”.
Xem chi tiết	Khi người dùng kích vào Xem chi tiết ở dòng nào thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn lấy thông tin của Trẻ tương ứng ở dòng đó. Sau đó hệ thống sẽ chuyển đến màn hình Xem chi tiết thông tin Trẻ.	Hiển thị màn hình “Xem chi tiết thông tin Trẻ”.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.

Phân trang	<p>Khi có nhỏ hơn hoặc bằng 10 trường dữ liệu thì không có phần phân trang.</p> <p>Khi có hơn 10 trường dữ liệu thì hiển thị phân trang.</p> <p>Nhấn vào mỗi trang sẽ chuyển đến trang đó. Nhấn vào nút <</ >> sẽ chuyển đến trang kế trước/kế sau trang hiện tại nếu vẫn còn trang trước/sau.</p>	Chuyển đến trang được yêu cầu.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.
------------	--	--------------------------------	---

6.1.3.3. Xem chi tiết thông tin của Trẻ

Screen	- Xem chi tiết thông tin của Trẻ.
--------	-----------------------------------

Description	- Cho phép admin xem tất cả các thông tin của Trẻ: Họ tên, Số điện thoại, lớp, số điện thoại, email,giới tính, tài khoản.		
Screen Access	- Admin kích vào Quản lý Trẻ -> kích “Xem chi tiết” ở cột chức năng trong bảng danh sách Trẻ.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tên Trẻ	Label-String (50)		Hiển thị Họ tên đầy đủ của Trẻ.
Số điện thoại	Label – String (20)		Hiển thị Số điện thoại liên lạc của Trẻ.
Giới tính	Label- String(20)		Hiển thị Giới tính của Trẻ.
Email	Label-String (100)		Hiển thị Email của Trẻ.
Tài khoản	Label-String (50)		Hiển thị tên tài khoản của Trẻ.
Trở về	Button		Kích khi đã xem xong thông tin.
Xóa	Button		Kích khi muốn xóa Trẻ đó.
Sửa	Button		Kích khi muốn chỉnh sửa Trẻ đó.
Khóa	Button		Kích khi muốn khóa Sinh viên đó.

Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Trở về	Người dùng kích nút “Trở về” khi đã xem xong thông tin và không muốn chỉnh sửa gì thêm.	Màn hình hiển thị trang trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xóa	Người dùng kích nút “Xóa” hệ thống sẽ hiện lên popup thông báo rằng có chắc chắn xóa Trẻ này không.	Màn hình hiển thị thông báo “Xóa thành công” và quay về màn hình danh sách Trẻ.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Sửa	Người dùng kích nút “Chỉnh sửa” hệ thống sẽ chuyển đến trang chỉnh sửa Trẻ.	Màn hình hiển thị form chỉnh sửa thông tin của Trẻ.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

Khóa	Người dùng kích nút “Khóa” hệ thống sẽ hiện lên popup thông báo rằng có chắc chắn khóa Trẻ này không.	Màn hình hiển thị thông báo “Khóa thành công” và màn hình vẫn ở trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
------	---	---	--

6.1.3.4. Xóa tài khoản của Trẻ

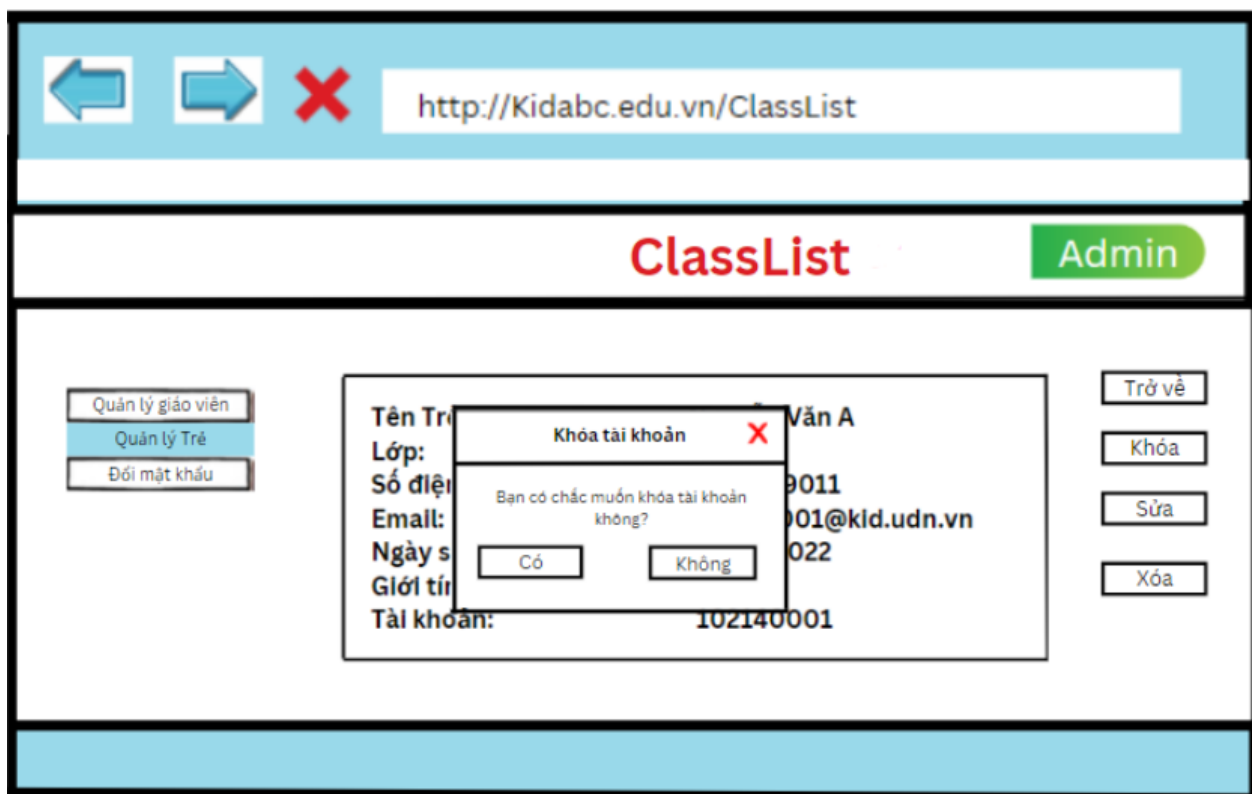


Screen	- Xóa tài khoản của Trẻ.
Description	- Cho phép Admin xóa tài khoản Trẻ.

Screen Access	- Admin kích vào Quản lý Trẻ -> kích “Xem chi tiết” -> kích “Xóa”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tiêu đề	Label-String (20)		Hiển thị tiêu đề của popup.
Nội dung	Label – String (50)		Hiển thị nội dung popup, cảnh báo người dùng hãy chắc chắn nếu muốn xóa.
Có	Button		Kích vào “Có” nếu muốn xóa Trẻ này.
Không	Button		Kích vào “Không” nếu không muốn xóa Trẻ nữa.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Không	Người dùng kích nút “Không” nếu không muốn xóa Trẻ này.	Tắt popup, hiển thị trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

Có	Người dùng kích nút “Có” khi đã chắc chắn muốn xóa Trẻ này.	Màn hình hiển thị thông báo “Xóa thành công” và quay về màn hình danh sách Trẻ.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
----	---	---	--

6.1.3.5. Khóa tài khoản của Trẻ



Screen	- Khóa tài khoản của Trẻ.
Description	- Cho phép Admin khóa tài khoản Trẻ.

Screen Access	- Admin kích vào Quản lý Trẻ ->click “Xem chi tiết” ->click “Khóa”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tiêu đề	Label-String (20)		Hiển thị tiêu đề của popup.
Nội dung	Label – String (50)		Hiển thị nội dung popup, cảnh báo người dùng hãy chắc chắn nếu muốn khóa.
Có	Button		Kích vào Có nếu muốn khóa Trẻ.
Không	Button		Kích vào Không nếu không muốn khóa Trẻ nữa.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Không	Người dùng kích nút “Không” nếu không muốn khóa Trẻ này.	Tắt popup, hiển thị trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

Có	Người dùng kích nút “Có” khi đã chắc chắn muốn khóa Trẻ này.	Màn hình hiển thị thông báo “Khóa thành công” và quay về màn hình hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
----	--	---	--

6.1.3.6. Chỉnh sửa thông tin của Trẻ.

The screenshot shows the 'ClassList' web application interface. At the top, there is a navigation bar with a back arrow, a forward arrow, a red 'X' icon, and the URL 'http://Kidabc.edu.vn/ClassList'. Below this is a header with 'ClassList' in red and 'Admin' in a green button. The main content area is titled 'Chỉnh sửa thông tin trẻ' (Edit child information). On the left, there are three buttons: 'Quản lý giáo viên', 'Quản lý Trẻ' (highlighted in blue), and 'Đổi mật khẩu'. The form fields are as follows:

- Tên Sinh Viên: (*)
- Môn: (*)
- Lớp: (*)
- Số điện thoại: (*)
- Email: (*)
- Ngày Sinh: (*)
- Giới tính: (*) ☒ Nam ☐ Nữ
- Địa chỉ: (*)
- Tài khoản: (*)
- Mật khẩu:

On the right side of the form, there are three buttons: 'Trở về', 'Nhập lại', and 'Lưu'.

Screen	- Chỉnh sửa thông tin Trẻ.
--------	----------------------------

Description	<ul style="list-style-type: none">- Cho phép Admin chỉnh sửa các thông tin Trẻ như Họ tên, Số điện thoại, Email,Lớp, Ngày sinh, Giới tính,Tài khoản, Mật khẩu.		
Screen Access	<ul style="list-style-type: none">- Người quản lý kích vào Quản lý Trẻ -> click“Xem chi tiết” -> click“Sửa”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Họ tên	Text field – String (50)		Ô nhập họ tên.
Lớp	Label – String(50)		Ô chọn lớp.
Số điện thoại	Text field – String (50)		Ô nhập số điện thoại.
Ngày sinh	Date Picker		Ô nhập hoặc chọn ngày sinh.
Giới tính	RadioButton		Nút chọn giới tính.
Email	Text field – String (50)		Ô nhập Email.
Tài khoản	Text field – String (50)		Ô nhập tên tài khoản.
Mật khẩu	Password – String(100)		Ô nhập mật khẩu.

Trở về	Button		Người dùng kích vào Trở khi muốn quay về trang trước.
Nhập lại	Button		Người dùng kích vào Nhập lại khi muốn xóa tất cả các dữ liệu nhập trước đó.
Lưu	Button		Người dùng kích vào Lưu khi muốn cập nhật thông tin Sinh viên vào Database.

Screen Actions

Action Name	Description	Success	Failure
Trở về	Khi người dùng click vào “ Trở về ” thì hệ thống sẽ chuyển đến màn hình trước đó.	Hiển thị màn hình trước đó.	
Nhập lại	Khi người dùng click vào “ Nhập lại ” thì hệ thống sẽ xóa hết thông tin nhập trước đó.	Xóa hết thông tin nhập trước đó.	

Lưu	<p>Khi người dùng kích vào “Lưu” hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. nếu dữ liệu hợp lệ thì hệ thống cập nhật dữ liệu vào database, ngược lại hiện thông báo lỗi.</p>	<p>Trở về màn hình Chi tiết và hiển thị thông báo “Chỉnh sửa thành công”.</p>	<p>Khi để trống ô Họ tên->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền họ tên”.</p> <p>Khi để trống ô Số điện thoại->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Số điện thoại”.</p> <p>Khi để trống ô Email->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Email”.</p> <p>Khi không chọn lớp ->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng chọn lớp”.</p> <p>Khi không nhập ngày sinh ->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng nhập ngày sinh”.</p> <p>Khi không chọn giới tính->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng chọn giới tính”.</p> <p>Khi để trống ô Tài khoản->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Tài khoản”.</p> <p>Khi để trống ô Mật khẩu->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền Mật khẩu”.</p>
-----	---	---	---

			<p>Khi nhập Số điện thoại sai định dạng->Hệ thống sẽ thông báo “Số điện thoại sai định dạng”.</p> <p>Khi nhập Email định dạng->Hệ thống sẽ thông báo “Email sai định dạng”.</p> <p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p>
--	--	--	---

6.1.3.7. Xóa trẻ ra khỏi danh sách lớp

The screenshot displays the 'ClassList' management interface. At the top, there is a navigation bar with a back arrow, a forward arrow, and a red 'X' icon, followed by the URL 'http://Kidabc.edu.vn/ClassList'. Below this, the page title 'ClassList' is shown in red, and a green 'Admin' button is on the right. On the left side, there are three buttons: 'Quản lý giáo viên', 'Quản lý Trẻ' (highlighted in blue), and 'Đổi mật khẩu'. The main content area shows a form for adding or editing a student. The form fields are: 'Tên Trẻ:' (Name), 'Lớp:' (Class), 'Số điện thoại:' (Phone number), 'Email:', 'Ngày sinh:' (Date of birth), 'Giới tính:' (Gender), and 'Tài khoản:' (Account). A confirmation dialog box is overlaid on the form, titled 'Xóa danh sách' (Delete list) with a red 'X' icon. The dialog asks 'Bạn có chắc muốn xóa khỏi danh sách không?' (Are you sure you want to delete from the list?). There are two buttons: 'Có' (Yes) and 'Không' (No). The background of the dialog shows the student's information: 'Tên Trẻ: Nguyễn Văn A', 'Lớp: 102140001', and 'Email: kid.udn.vn'.

Screen	- Xóa trẻ ra khỏi danh sách lớp.		
Description	- Cho phép admin xóa trẻ ra khỏi lớp		
Screen Access	- Admin click vào biểu tượng cạnh tên học sinh hiển thị trong trang Thay đổi danh sách lớp=> ấn nút Xóa.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Có	Button		Click vào “Có” nếu muốn xóa trẻ.
Không	Button		Click vào “Không” nếu không muốn xóa trẻ.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Không	Admin kích nút “Không” nếu không muốn loại trẻ này.	Tắt popup, hiển thị trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

Có	Admin kích nút “Có” khi đã chắc chắn muốn xóa trẻ này.	Tắt popup, màn hình hiển thị thông báo “Xóa thành công” và hiển thị trang hiện tại.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
----	--	---	--

6.1.3.8. Điều chỉnh trẻ trong danh sách trẻ đã đăng ký môn học

The screenshot shows the 'ClassList' Admin interface. At the top, there is a navigation bar with a back arrow, a forward arrow, a red 'X' icon, and the URL 'http://Kidabc.edu.vn/ClassList'. Below this is a header with 'ClassList' in red and 'Admin' in a green button. The main content area is titled 'Thay đổi môn học' (Change Subject). It contains a form with the following fields: 'Tên môn học:' (Subject Name) with a text input, 'Loại môn:' (Subject Type) with a dropdown menu, and 'Mô tả:' (Description) with a text area. Below the form are 'Lưu' (Save) and 'Hủy' (Cancel) buttons. To the right of the form are two buttons: 'Đăng kí thực hiện' (Register to perform) in green and 'Xóa' (Delete) in red. Below these buttons is a table titled 'Danh sách trẻ đã đăng ký' (List of registered children). The table has 6 rows and 2 columns. The first column lists children's names, and the second column shows actions (a red checkmark or a dropdown arrow). The data in the table is as follows:

Danh sách trẻ đã đăng ký	
1. Lê abc	✓
2. Trần Xem hồ sơ	
3. Lê Xóa	
4. Bala...	
5. kadd	▼
6. Papa	▼

Screen	- Chỉnh sửa trẻ đã đăng ký môn học.
Description	- Cho phép admin chỉnh sửa, xem chi tiết thông tin trẻ đã đăng ký môn học được chọn trước đó.

Screen Access	- Biểu tượng bên cạnh tên sinh viên trong danh sách.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Xem hồ sơ	Link		Xem chi tiết thông tin sinh viên.
Xóa	Button		Xóa sinh viên khỏi danh sách thực hiện.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Xóa	Khi chọn “Xóa” thì hệ thống sẽ hiển thị popup hỏi xem có chắc chắn muốn xóa trẻ ra khỏi môn học hay không.	Hiển thị trang popup.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xem hồ sơ	Xem chi tiết thông tin trẻ đã đăng ký môn học.	Chuyển tới trang thông tin của trẻ.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

6.1.4. Phê duyệt các phản hồi, đề xuất

Approve proposal

Search

Index	Content	Parent/Teacher	Class	Function	Take Attendance
1	abc...	Bui Tuan Dung	SE17A01	abc...	Absent
2	abc...	Bui Tuan Dung	SE17A01	abc...	Absent
3	abc...	Bui Tuan Dung	SE17A01	abc...	Absent
4	abc...	Bui Tuan Dung	SE17A01	abc...	Absent
5	abc...	Bui Tuan Dung	SE17A01	abc...	Absent
6	abc...	Bui Tuan Dung	SE17A01	abc...	Absent

Approve

Use Case Name	- Phê duyệt phản hồi, đề xuất.
Use Case ID	- UC03.

High Level Requirement Ref	- Cho phép admin Phê duyệt phản hồi, đề xuất sau thời gian đề xuất của Giáo viên, Phụ huynh, Trẻ.
Actor	- Admin.
Description	- Những phản hồi, đề xuất đã được phê duyệt thì sẽ được triển khai.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Admin kích vào Phê duyệt đề tài ở Menu .

Screen	- Phê duyệt phản hồi, đề xuất.		
Description	- Cho phép Admin Phê duyệt những phản hồi, đề xuất đã được giáo viên, phụ huynh đề xuất.		
Screen Access	- Quản lý kích vào Phê duyệt đề tài ở menu		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tìm kiếm	SearchBox		Ô Tìm kiếm.
Stt	Label- Number		Hiển thị số thứ tự đề xuất.

Nội dung	Label – String(300)		Hiển thị nội dung đề xuất.
Phụ huynh, Giáo viên	Label – String(300)		Hiển thị những Phụ huynh, Giáo viên đã đề xuất.
Lớp	Label – String(50)		Hiển thị đề xuất của phụ huynh, giáo viên thuộc lớp nào.
Trạng thái	Label – String(50)		Hiển thị trạng thái đề xuất đã được phê duyệt hay chưa.
Chức năng	Label – String(50)		Hiển thị chức năng.
Phê duyệt	Button		Khi người click vào “ Phê duyệt ” thì đề xuất sẽ chuyển sang trạng thái “ Đã phê duyệt ”.

Phân trang	<p>Khi có nhỏ hơn hoặc bằng 10 trường dữ liệu thì không có phần phân trang.</p> <p>Khi có hơn 10 trường dữ liệu thì hiển thị phân trang.</p> <p>Nhấn vào mỗi trang sẽ chuyển đến trang đó.</p> <p>Nhấn vào nút <</>> sẽ chuyển đến trang kế trước/kế sau trang hiện tại nếu vẫn còn trang trước/sau.</p>	Chuyển đến trang được yêu cầu.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Tìm kiếm	Khi người dùng kích vào Tìm kiếm thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm Đề xuất theo dữ liệu người dùng nhập ở Ô tìm kiếm.	Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ Đề xuất ra bảng danh sách. Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách Đề xuất.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Khi hệ thống không tìm thấy Đề tài nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”.
Phê duyệt	Khi người dùng kích vào Phê duyệt hệ thống sẽ cập nhật trạng thái của đề tài vào database.	Nút Phê duyệt sẽ chuyển sang trạng thái disable không thể chuyển về trạng thái chưa phê duyệt.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.

6.2. Phụ huynh

6.2.1. Quản lý tài khoản

Use Case Name	- Quản lý tài khoản.
Use Case ID	- UC06.

High Level Requirement Ref	- Cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập, chỉnh sửa, tìm kiếm, xem chi tiết thông tin cá nhân của mình cũng như người dùng khác.
Actor	- User.
Description	- Cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập, chỉnh sửa, tìm kiếm, xem chi tiết thông tin cá nhân của mình cũng như người dùng khác.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- User kích vào menu Tài khoản

6.2.1.1. Đăng nhập.

Screen	- Đăng nhập tài khoản.
--------	------------------------

Description	<ul style="list-style-type: none">- Cho phép Phụ huynh đăng nhập tài khoản và sử dụng tài khoản, mật khẩu đã được kích hoạt để đăng nhập sử dụng website.		
Screen Access	<ul style="list-style-type: none">- Sinh viên truy cập vào địa chỉ http://NCKH.udn.vn/login.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tài khoản	Text field – String (50)		Ô nhập email hoặc phone số của Phụ huynh.
Mật khẩu	Password– String (50)		Ô nhập mật khẩu.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Đăng nhập	Khi sinh viên kích vào Đăng nhập thì hệ thống kiểm tra mã số và mật khẩu tương ứng trùng khớp với dữ liệu trong database thì cho phép đăng nhập vào hệ thống, còn không thì sẽ thông báo lỗi.	Hiện thị màn hình trang chủ của Phụ huynh.	<p>Quay lại trang Login để tiếp tục đăng nhập.</p> <p>Hiện thông báo : “Dữ liệu không hợp lệ”.</p> <p>Hiện thông báo: “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng”.</p>

Thoát	Khi người dùng kích vào Thoát thì hệ thống sẽ xóa hết thông tin nhập trước đó.	Xóa hết thông tin nhập trước đó.	
-------	---	----------------------------------	--

6.2.1.2. Xem chi tiết thông tin cá nhân.

The screenshot shows the 'Profile' page of the Kidabc.edu.vn system. At the top, there's a navigation bar with 'Profile' and 'Parents' tabs. On the left, a sidebar contains 'Thông tin cá nhân' and 'Proposal' buttons. The main area, titled 'Thông tin cá nhân', contains a form with the following fields and values:

- Mã Số: 1012140091
- Họ tên: Lâm Quang Sang
- Lớp SH: Nhỡ 3
- Môn: Vẽ, hát
- Số điện thoại: 0123456789
- Email: sanglam2806@gmail.com
- Ngày sinh: 1 / 1 / 1996
- Giới tính: ☒ Nam ☐ Nữ
- Địa chỉ: Hải Châu, Đà Nẵng
- Mật khẩu mới: (empty field)
- Nhập lại: (empty field)

At the bottom right of the form, there are two buttons: 'Chỉnh sửa' and 'Thoát'.

Screen	- Xem chi tiết thông tin cá nhân.
Description	- Cho phép người dùng xem tất cả các thông tin của mình như: Mã Phụ huynh, Họ tên, Lớp của trẻ, Số điện thoại, Email, Ngày sinh, Giới tính, Địa chỉ, ...
Screen Access	- Phụ huynh sau khi “ Đăng nhập ” chọn Menu “ Thông tin cá nhân ”.

Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Mã số	Label-String (50)		Hiển thị Mã số Phụ huynh của trẻ.
Họ tên	Label-String (50)		Hiển thị Họ tên đầy đủ Phụ huynh của trẻ.
Lớp SH	Label-String (50)		Hiển thị lớp của trẻ.
Số điện thoại	Label – String (20)		Hiển thị Số điện thoại liên lạc của Phụ huynh.
Giới tính	Radio		Hiển thị Giới tính của Phụ huynh.
Địa chỉ	Label-String (100)		Hiển thị Địa chỉ thường trú.
Email	Label-String (100)		Hiển thị Thư điện tử.
Ngày sinh	Label-Datetime		Hiển thị ngày tháng năm sinh.
Thoát	Button		Quay trở lại trang chủ.
Cập nhật thông tin cá nhân	Button		Sinh viên kích vào khi muốn chỉnh sửa thông tin.
Screen Actions			

Action Name	Description	Success	Failure
Thoát	Người dùng kích nút “Thoát” khi đã xem xong thông tin và không muốn chỉnh sửa gì thêm.	Màn hình hiển thị trang trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Cập nhật thông tin cá nhân	Người dùng kích nút “Cập nhật thông tin cá nhân” hệ thống sẽ chuyển sang trang chỉnh sửa thông tin cá nhân	Màn hình hiển thị form chỉnh sửa thông tin cá nhân.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

6.2.1.3. Chỉnh sửa thông tin cá nhân của phụ huynh

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://Kidabc.edu.vn/Profile>. The page has a header with 'Profile' and 'Parents' tabs. The main content area is titled 'Thông tin cá nhân' and contains a form with the following fields:

- Mã Số: 1012140091
- Họ tên: Lâm Quang Sang
- Lớp SH: Nhờ 3
- Môn: Vẽ, hát
- Số điện thoại: 0123456789
- Email: sanglam2806@gmail.com
- Ngày sinh: 1 / 1 / 1996
- Giới tính: ☒ Nam ☐ Nữ
- Địa chỉ: Hải Châu, Đà Nẵng
- Mật khẩu mới: [Empty field]
- Nhập lại: [Empty field]

Buttons for 'Chỉnh sửa' (Edit) and 'Thoát' (Exit) are located at the bottom right of the form. A 'Proposal' button is also visible on the left side of the form area.

Screen	<ul style="list-style-type: none">- Chỉnh sửa chi tiết thông tin cá nhân của phụ huynh.		
Description	<ul style="list-style-type: none">- Cho phép Sinh viên chỉnh sửa tất cả các thông tin của mình như: Họ tên,Lớp, Số điện thoại, Email, Ngày sinh, Giới tính, Địa chỉ, ...		
Screen Access	<ul style="list-style-type: none">- Sinh viên sau khi “Đăng nhập” chọn Menu “Thông tin cá nhân” và chọn “Cập nhật thông tin cá nhân phụ huynh”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Mã số	Label-String (50)		Hiển thị Mã số Phụ huynh.

Họ tên	Label-String (50)		Hiển thị Họ tên đầy đủ của Phụ huynh.
Lớp SH	Label-String (50)		Hiển thị lớp sinh hoạt.
Số điện thoại	Textfield – String (20)		Ô nhập Số điện thoại liên lạc của Phụ huynh.
Giới tính	Radio		Chọn Giới tính của Phụ huynh.
Địa chỉ	Textfield -String (100)		Ô nhập Địa chỉ thường trú.
Email	Textfield -String (100)		Ô nhập Thư điện tử.
Ngày sinh	Textfield -Datetime		Chọn ngày tháng năm sinh.
Mật khẩu mới	Password		Nhập mật khẩu mới.
Nhập lại	Password		Nhập lại mật khẩu.
Thoát	Button		Quay trở lại trang chủ.
Chỉnh sửa	Button		Phụ huynh kích vào khi muốn lưu chỉnh sửa thông tin.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Thoát	Phụ huynh kích nút “Thoát” khi đã xem xong thông tin và không muốn chỉnh sửa gì thêm.	Màn hình hiển thị trang trước đó.	<p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p> <p>Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.</p>
-------	---	-----------------------------------	--

Chỉnh sửa	Người dùng kích nút “Chỉnh sửa” hệ thống sẽ chuyển lưu thông tin cá nhân đã chỉnh sửa	Màn hình quay lại trang hiển thị chi tiết thông tin cá nhân.	<p>Khi người dùng để trống ô Số điện thoại-> Hiển thị thông báo “Vui lòng nhập số điện thoại”.</p> <p>Khi nhập vào ô Số điện thoại sai định dạng số điện thoại-></p> <p>Hiển thị thông báo “Vui lòng nhập số điện thoại đúng định dạng”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Email-> Hiển thị thông báo “Vui lòng nhập email”.</p> <p>Khi nhập vào ô Email sai định dạng số điện thoại-></p> <p>Hiển thị thông báo “Vui lòng nhập email đúng định dạng”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Ngày Sinh-> Hiển thị thông báo “Vui lòng nhập Ngày Sinh”.</p> <p>Khi nhập vào ô Ngày Sinh sai định</p>
-----------	---	--	--

			<p>dạng ngày dd/MM/YYYY-></p> <p>Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập ngày sinh đúng định dạng dd/MM/YYYY”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Mật khẩu-> Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập mật khẩu mới”.</p> <p>Khi nhập vào ô Mật khẩu sai định dạng mật khẩu là chuỗi ký tự có độ dài từ 6 đến 32 -></p> <p>Hiện thị thông báo “Vui lòng mật khẩu đúng định dạng là chuỗi ký tự từ 6 đến 32 ký tự”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Nhập lại mật khẩu-> Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập Xác nhận lại mật khẩu”.</p> <p>Khi nhập vào ô Nhập lại mật khẩu khác so với Dữ liệu ở trường Mật khẩu-></p>
--	--	--	--

			<p>Hiển thị thông báo “Xác nhận mật khẩu không đúng”.</p> <p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p> <p>Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.</p>
--	--	--	--

6.2.2. Phụ huynh xem và nộp học phí cho trẻ.

The screenshot shows a web interface for parents to view and pay fees. The page has a blue header with navigation icons and the URL <http://Kidabc.edu.vn/Payment>. Below the header, there are two main buttons: 'Payment' in red and 'Parents' in green. The main content area is titled 'Danh sách học phí' (Fee List). On the left, there are links for 'Thông tin cá nhân' (Personal Information), 'Đăng ký Môn học' (Register Course), and 'Thông tin đăng ký' (Registration Information). The fee list table has the following data:

Ngành	Lĩnh Vực	Tên giáo Viên	Tên môn
Tiếng anh			
Erobic			
Vẽ			

At the bottom of the page, there is a green bar with the text 'Use Case Name' and a description: '- Xem và nộp học phí cho trẻ.'

Use Case ID	- UC07.
High Level Requirement Ref	- Cho phép phụ huynh xem và nộp học phí cho trẻ.
Actor	- Phụ huynh.
Description	- Cho phép phụ huynh xem và nộp học phí cho trẻ.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Phụ huynh khi Đăng nhập .
Post-processing	

Screen	- Nộp học phí.		
Description	- Cho phép phụ huynh xem và nộp học phí cho trẻ.		
Screen Access	- Phụ huynh sau khi đăng nhập thành công.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Ô tìm kiếm	Textbox – String(50)		Trường dành cho Phụ huynh nhập từ khóa tìm kiếm.

Tiêu chí tìm kiếm	ComboBox		Trường dành cho User chọn tiêu chí tìm kiếm.
Tìm kiếm	Button		Nút nhấn tìm kiếm.
Tên các khoản	String - Link		Hiển thị tên các khoản trả.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Chi tiết học phí	Khi phụ huynh kích vào mục xem và đóng học phí, màn hình sẽ hiện ra chi tiết các khoản cần phải đóng	Màn hình chuyển đến trang hiển thị đóng học phí.	
Không tìm thấy học phí cần đóng	Khi không có các khoản nào cần đóng thì màn hình sẽ hiện dòng thông báo không tìm thấy.	Màn hình hiện là “Không tìm thấy học phí cần đóng”.	

← → ✖ http://Kidabc.edu.vn/ Payment

Payment Parents

Thông tin cá nhân
 Đăng ký đề tài
 Thông tin đăng ký

Danh sách học phí

Q [Search Bar] [Ngành] [Tìm kiếm]

Không tìm thấy thông tin nào

Lĩnh Vực
 Tên giáo Viên
 Tên môn

6.2.3. Đăng ký khóa học, lớp học và tiến độ học tập của trẻ .

← → ✖ http://Kidabc.edu.vn/ClassList

Class List Parents

Thông tin cá nhân
 Đăng ký môn học
 Thông tin đăng ký

Đăng ký môn

Tên môn học: * [Text Field]

Thời gian thực hiện: * [Date Picker] đến [Date Picker]

Chủ nhiệm: * [Text Field] Mã: * [Text Field]

Giáo viên hướng dẫn: * [Dropdown Menu]

Các thành viên:

STT	Mã SV	Họ tên	Email	Địa chỉ
1				
2				
3				
4				

Đăng ký

Use Case Name

- Đăng ký khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập.

Use Case ID	- UC08.
High Level Requirement Ref	- Cho phép phụ huynh thực hiện khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập.
Actor	- Phụ huynh.
Description	- Cho phép Phụ huynh thực hiện khóa học, lớp học và tiến độ học tập.
Trigger	- NA.
Pre-condition	
Post-processing	

Screen	- Đăng ký khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập		
Description	- Cho phép phụ huynh khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập của trẻ.		
Screen Access	- Sinh viên kích vào Menu Đăng ký khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description

Tên khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập	Textfield -String (50)		Ô nhập Tên khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập.
Thời gian thực hiện	Date time		Chọn thời gian thực hiện.
Mã phụ huynh	Textfield -String(20)		Ô nhập mã số phụ huynh.
Giáo viên môn, lớp	ComboBox		Chọn giáo viên giảng dạy.
Thông tin trẻ			Nhập thông tin của trẻ.
+ Mã HS	Textfield -String(20)		Ô nhập mã số của trẻ.
+ Họ tên	Textfield -String (50)		Ô nhập Họ tên trẻ.
+ Địa chỉ	Textfield -String (50)		Ô nhập Địa chỉ của trẻ.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Đăng ký	Phụ huynh click nút “Đăng ký” khi đã nhập đầy đủ thông tin khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập muốn đăng ký	Màn hình hiển thị thông báo đã đăng ký khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập thành công.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

	hoặc hủy hệ thống sẽ lưu lại thông tin khóa học, lớp học, hủy và tiến độ học tập của trẻ .		
--	--	--	--

6.2.4. Quản lý thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã được đăng ký.

Use Case Name	- Quản lý thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã được đăng ký.
Use Case ID	- UC09.
High Level Requirement Ref	- Cho phép phụ huynh xem, chỉnh sửa thông tin của khóa học, lớp học, hủy khóa học đã được đăng ký.
Actor	- Phụ huynh.
Description	- Cho phép phụ huynh xem, chỉnh sửa thông tin của khóa học, lớp học, hủy khóa học đã được đăng ký.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Người dùng sau khi “ Đăng nhập ” click vào “ Thông tin đăng ký ”.
Post-processing	

6.2.4.1. Xem thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký.

← → ✖ <http://Kidabc.edu.vn/ClassList>

Class List **Parents**

Thông tin cá nhân
 Đăng ký môn học
Thông tin đăng ký

Thông tin môn đăng ký Chưa kiểm duyệt

Tên môn học: Đây là tên môn học

Thời gian thực hiện: 10/5/2023 đến 28/6/2023

Chức nhiệm: Lê Sinh Viên Mã sinh viên: 102140109

Giáo viên hướng dẫn: Lê Thị Mỹ Hạnh

Các thành viên:

ST	Mã SV	Họ tên	Email	Địa chỉ
1	10214009	Lâm Quang Sơ	sangql@gmail.com	Đà Nẵng
2	10214009	Lưu Văn Sinh	lvansinh@gmail.com	Đà Nẵng
3	10214010	Võ Minh Trí	vovantri@gmail.com	Đà Nẵng
4	10214008	Phạm Thế Phúc	phamthuphuc@gmail.c	Quảng Ngãi

Chỉnh sửa

Screen	<ul style="list-style-type: none">- Xem thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã được đăng ký.		
Description	<ul style="list-style-type: none">- Cho phép phụ huynh xem thông tin chi tiết về khóa học, lớp học, hủy khóa học đã được đăng ký.		
Screen Access	<ul style="list-style-type: none">- Phụ huynh sau khi “Đăng nhập”. Chọn “Thông tin đăng ký”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Đã kiểm duyệt/Chưa kiểm duyệt	Label		Trạng thái khóa học, lớp học, hủy khóa học

			đã được kiểm duyệt hay chưa.
Tên khóa học, lớp học, hủy khóa học	String (50)		Hiển thị Tên khóa học, lớp học, khóa học đã hủy.
Thời gian thực hiện	Date		Hiển thị thời gian dự tính khóa học, lớp học và hủy khóa.
Mã của trẻ	String(20)		Hiển thị mã số của trẻ.
Giáo viên môn, lớp	String(50)		Hiển thị giáo viên của môn, lớp.
Tên trẻ			Nhập thông tin của trẻ.
+ Mã HS	String(20)		Hiển thị mã số của trẻ.
+ Họ tên	String (50)		Hiển thị Họ tên của trẻ.
+ Địa chỉ	String (50)		Hiển thị Địa chỉ của trẻ.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Sửa	Phụ huynh click nút “Sửa” để chỉnh sửa thay đổi thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký trước hạn xét duyệt	Màn hình hiển thị form chứa thông tin của khóa học, lớp học, hủy khóa học để sinh viên chỉnh sửa	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
-----	--	--	--

6.2.4.2. Chỉnh sửa thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đăng ký.

Screen	- Chỉnh sửa thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký.
Description	- Cho phép phụ huynh chỉnh sửa thông tin chi tiết về khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký.

Screen Access	- Phụ huynh sau khi “Đăng nhập”. Chọn “Thông tin đăng ký” và chọn “Chỉnh sửa”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Đã kiểm duyệt/Chưa kiểm duyệt	Label		Trạng thái khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký đã được kiểm duyệt hay chưa.
Tên môn học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký	Textfield – String (50)		Ô nhập Tên môn học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký.
Thời gian thực hiện	Date		Ô nhập thời gian khóa học, lớp học, hủy khóa học đăng ký.
Mã HS	Textfield – String(20)		Ô nhập mã số của trẻ.
Giáo viên môn, lớp	Combobox		Ô chọn giáo viên của môn, lớp.
Thông tin trẻ			Nhập thông tin của trẻ.
+ Mã HS	Textfield – String(20)		Ô nhập mã số của trẻ.
+ Họ tên	Textfield – String (50)		Ô nhập Họ tên trẻ.

+ Địa chỉ	Textfield – String (50)		Ô nhập Địa chỉ của trẻ.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Lưu	Phụ huynh click nút “Lưu” để lưu chỉnh sửa thay đổi thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký trước hạn xét duyệt.	Màn hình chuyển trang Xem thông tin đã đăng ký.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Hủy	Phụ huynh click nút “Hủy” khi không muốn thay đổi thông tin khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký đăng ký.	Màn hình hiển thị trang trước đó.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiện thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

6.3. Giáo viên

6.3.1. Quản lý tài khoản

Use Case Name	- Quản lý tài khoản.
Use Case ID	- UC.
High Level Requirement Ref	- Cho phép giảng viên quản lý tài khoản như đăng nhập, chỉnh sửa thông tin cá nhân, đổi mật khẩu.
Actor	- Giáo viên.
Description	- Tất cả các thông tin cá nhân của giảng viên được lấy từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Giáo viên có thể thay đổi thông tin.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Giáo viên sau khi Đăng nhập, Mở “ Menu ” ấn.
Post-processing	

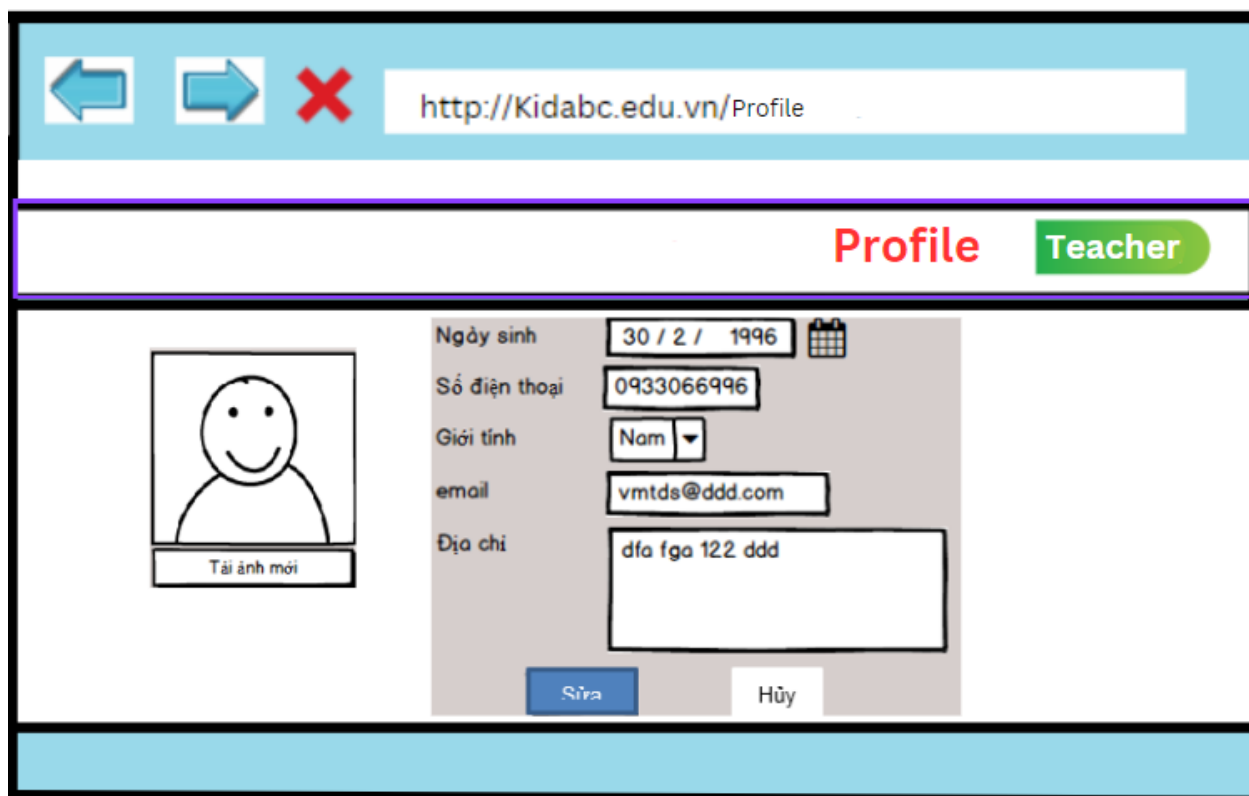
6.3.1.1. Đăng nhập.

Screen	- Đăng nhập.		
Description	- Cho phép giáo viên đăng nhập vào hệ thống.		
Screen Access	- Giảng viên chọn “ Đăng nhập ” ở màn hình “ Trang chủ ”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tài khoản	Textbox – String(50)		Trường dành cho giáo viên nhập email hoặc số điện thoại.

Mật khẩu	Password – String(100)		Trường dành cho giáo viên nhập mật khẩu.
Login	Button		Đăng nhập vào hệ thống.
Exit	Button		Hủy đăng nhập và quay về trang chủ.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Đăng nhập	Khi giáo viên click nút “Đăng nhập” , hệ thống sẽ kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu, nếu dữ liệu không hợp lệ sẽ hiển thị thông báo “Dữ liệu không hợp lệ” , nếu dữ liệu hợp lệ thì tiếp tục kiểm tra Tài khoản với mật khẩu tương ứng có tồn tại trong hệ thống hay không, nếu có thì cho giáo viên đăng nhập vào hệ thống, nếu không thì hiển thị thông báo “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng” .	Vào màn chính của trang.	Hiện thông báo : “Dữ liệu không hợp lệ” . Hiện thông báo: “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng” .

Hủy	Đóng màn hình đăng nhập và quay trở về trang chủ.	Trở về màn hình trang chủ.	
-----	---	----------------------------	--

6.3.1.2. Thay đổi thông tin cá nhân.



Screen	- Chỉnh sửa thông tin.
Description	- Cho phép giáo viên chỉnh sửa toàn bộ thông tin cá nhân của mình.
Screen Access	- Giảng viên sau khi Đăng nhập , Mở Menu ản-> Hồ sơ của bạn .
Screen Content	

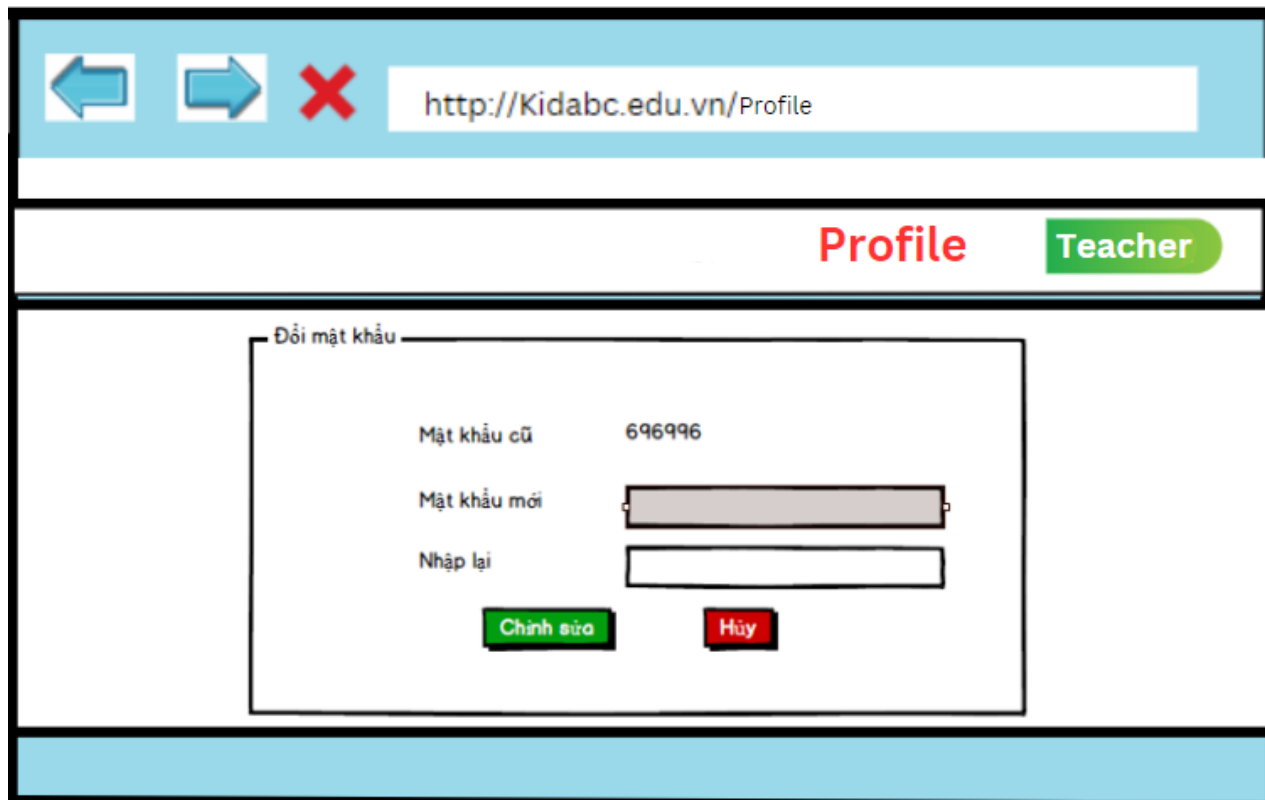
Item	Type	Data	Description
Họ tên	Text field – String (50)		Ô nhập họ tên.
Số điện thoại	Text field – String (50)		Ô nhập số điện thoại.
Ngày sinh	Date Picker		Ô nhập hoặc chọn ngày sinh.
Giới tính	ComboBox		Nút chọn giới tính.
Địa chỉ	Text field – String (50)		Ô nhập địa chỉ.
Email	Text field – String (50)		Ô nhập Email.
Hủy	Button		Giáo viên kích vào khi muốn quay về trang trước.
Sửa	Button		Giáo viên kích vào khi muốn chỉnh sửa thông tin cá nhân.
Tải ảnh mới	Button		Giáo viên ấn vào để tải ảnh mới từ máy.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Exit	Khi giáo viên kích vào Exit thì hệ thống sẽ chuyển đến màn hình trước đó.	Hiển thị màn hình trước đó.	
Tải ảnh mới	Khi giáo viên kích vào Tải ảnh mới thì hệ thống sẽ mở cửa sổ cho giảng viên chọn ảnh từ máy.	Hiển thị thông báo “Chỉnh sửa ảnh thành công.	

Update	<p>Khi người dùng click vào Update hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. nếu dữ liệu hợp lệ thì cập nhật dữ liệu nhập vào database, ngược lại hiện thông báo lỗi.</p>	<p>Hiện thị thông báo “Chỉnh sửa thành công”.</p>	<p>Khi để trống ô Họ tên->Hệ thống sẽ thông báo “Vui lòng điền họ tên”</p> <p>Khi người dùng để trống ô Số điện thoại-> Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập số điện thoại”.</p> <p>Khi nhập vào ô Số điện thoại sai định dạng số điện thoại->Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập số điện thoại đúng định dạng”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Email-> Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập email”.</p> <p>Khi nhập vào ô Email sai định dạng số điện thoại->Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập email đúng định dạng”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Ngày Sinh-> Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập Ngày Sinh”.</p> <p>Khi nhập vào ô Ngày Sinh sai định dạng ngày->Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập số điện thoại đúng định dạng”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Mật khẩu-> Hiện thị thông báo “Vui lòng nhập mật khẩu mới”.</p>
--------	---	---	---

			<p>Khi nhập vào ô Mật khẩu sai định dạng mật khẩu ->Hiển thị thông báo “Vui lòng mật khẩu đúng định dạng”.</p> <p>Khi người dùng để trống ô Nhập lại mật khẩu-> Hiển thị thông báo “Vui lòng nhập Xác nhận lại mật khẩu”.</p> <p>Khi nhập vào ô Nhập lại mật khẩu khác so với Dữ liệu ở trường Mật khẩu->Hiển thị thông báo “Xác nhận mật khẩu không đúng”.</p> <p>Khi người dùng không chọn Giới tính-> Hiển thị thông báo “Vui lòng chọn giới tính”.</p> <p>Khi ảnh tải lên không đúng định dạng PNG, IMG, GIF -> Hiển thị thông báo “Vui lòng chọn ảnh đúng định dạng”.</p> <p>Khi ảnh tải lên quá 2MB -> Hiển thị thông báo “Vui lòng chọn ảnh có kích thước dưới 2MB”.</p> <p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p> <p>Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.</p>
--	--	--	--

6.3.1.3. Thay đổi mật khẩu.



Browser address bar: <http://Kidabc.edu.vn/Profile>

Page Title: Profile

User Role: Teacher

Form Title: Đổi mật khẩu

Mật khẩu cũ: 696996

Mật khẩu mới:

Nhập lại:

Buttons:

Screen	- Đổi mật khẩu.		
Description	- Cho phép Giáo viên đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống.		
Screen Access	- Giảng viên sau khi “ Đăng nhập ”, Mở Menu ản->” Mật khẩu ”.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Mật khẩu cũ	Password – String(100)		Ô điền mật khẩu cũ đăng nhập vào hệ thống.

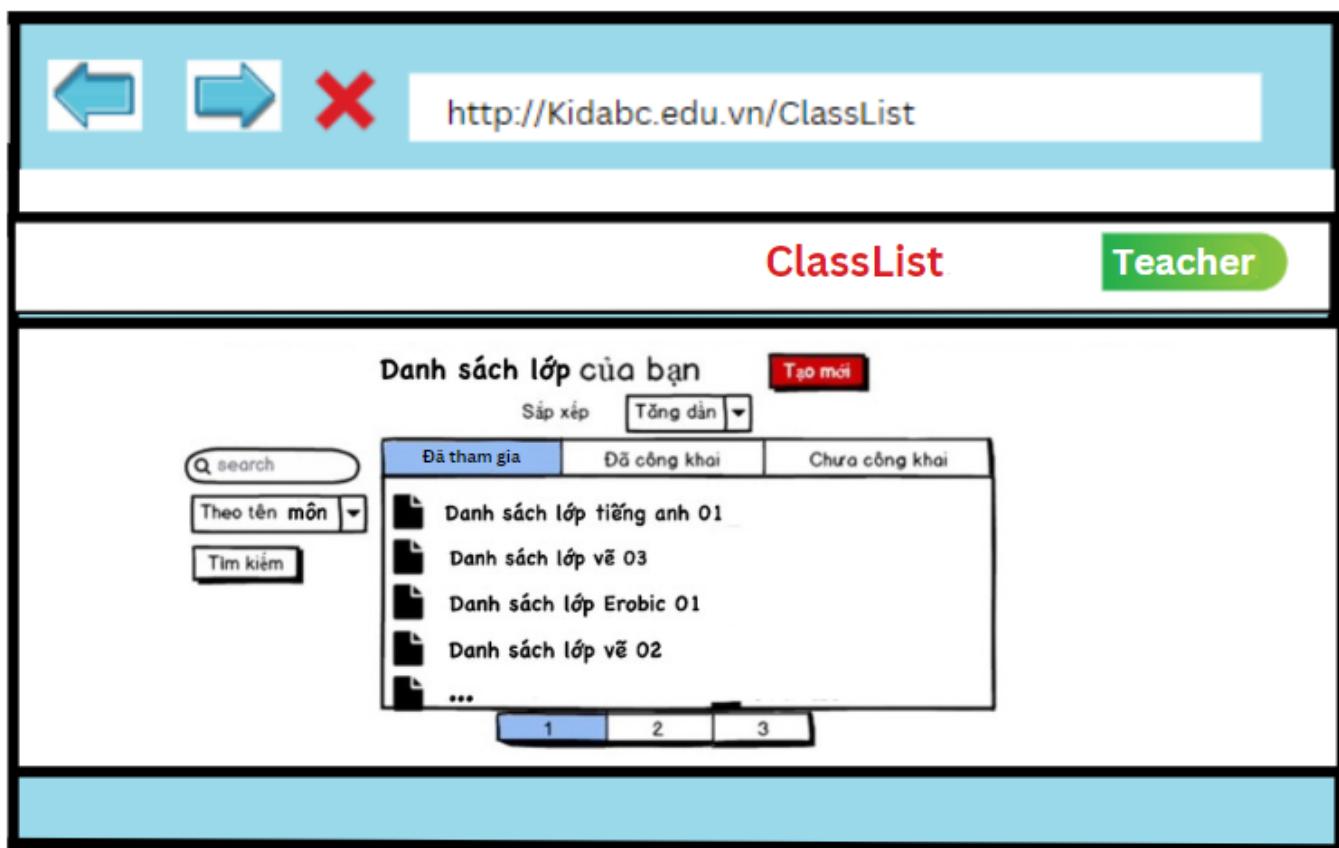
Mật khẩu mới	Password – String(100)		Ô điền mật khẩu mới đăng nhập vào hệ thống.
Lập lại mật khẩu	Password – String(100)		Ô điền lại mật khẩu mới để xác nhận một lần nữa trước khi thay đổi.
Chỉnh sửa	Button		Thực hiện việc đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống.
Hủy	Button		Hủy bỏ thao tác đổi mật khẩu.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Chỉnh sửa	<p>Khi người dùng click nút Chỉnh sửa, hệ thống sẽ kiểm tra mật khẩu cũ nếu chưa chính xác thì hiển thị “Mật khẩu cũ không đúng”, sau đó hệ thống so khớp mật khẩu mới và mật khẩu cũ nếu giống nhau thì hiển thị Mật khẩu mới trùng với mật khẩu cũ.</p> <p>Trường hợp mật khẩu mới không trùng với xác thực mật khẩu thì hiển thị thông báo “Xác thực mật khẩu chưa đúng”.</p>	Hiển thị thông báo “Đổi mật khẩu thành công” .	<p>Hiện thông báo : “Mật khẩu cũ trùng với mật khẩu mới”.</p> <p>Hiện thông báo: “Mật khẩu cũ chưa chính xác”.</p> <p>Hiện thông báo: “Xác thực mật khẩu chưa đúng”.</p> <p>Khi mật khẩu mới không đúng định dạng -> Hiển thị thông báo “Mật khẩu mới không đúng định dạng”.</p> <p>Khi có lỗi kết nối hiển thị thông báo “Kết nối thất bại”.</p>
Hủy	Giáo viên click nút “Hủy” khi đã xem xong thông tin và không muốn chỉnh sửa gì thêm.	Màn hình hiển thị trang trước đó.	<p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p> <p>Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.</p>

6.3.2. Quản lý danh sách học sinh lớp mình.

Use Case Name	- Quản lý danh sách học sinh lớp mình.
Use Case ID	- UC03.
High Level Requirement Ref	- Cho phép giáo viên quản lý danh sách học sinh lớp mình như tạo mới, chỉnh sửa, xóa, xem chi tiết, đăng ký, công khai, hiển thị danh sách khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký.
Actor	- Giáo viên.
Description	- Tất cả các thông tin danh sách được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Giáo viên có thể tạo mới, chỉnh sửa, xóa, xem chi tiết, đăng ký, công khai, hiển thị danh sách khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Giáo viên sau khi đăng nhập.
Post-processing	

6.3.2.1. Hiển thị danh sách danh sách học sinh lớp mình.



Screen	- Hiện thị danh sách học sinh lớp mình.		
Description	- Hiện thị danh sách, nhận xét, tìm kiếm, xem chi tiết thông tin, tạo mới, lựa chọn sắp xếp.		
Screen Access	- Màn hình sau khi giáo viên đăng nhập thành công.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tạo mới	Button		Người dùng click vào khi muốn tạo danh sách mới.

Lựa chọn sắp xếp	Combo Box		Người dùng lựa chọn cách sắp xếp của danh sách.
Search	Text field – String (50)		Ô nhập từ cần tìm kiếm.
Lựa chọn tìm kiếm	Combo Box		Người dùng lựa chọn cách tìm kiếm của danh sách.
Tìm kiếm	Button		Người dùng click vào khi muốn tìm kiếm danh sách theo từ khóa.
Đã đăng ký	Tab		Người dùng click vào khi muốn xem các khóa học, lớp học, hủy khóa học đã đăng ký.
Đã công khai	Tab		Người dùng click vào khi muốn xem các khóa học, lớp học đã công khai và chưa đăng ký.
Chưa công bố	Tab		Người dùng click vào khi muốn xem các khóa học, lớp học chưa công khai.
Biểu tượng menu ẩn cạnh ảnh người dùng	Button		Người dùng click vào khi muốn mở menu ẩn cho phép mở giao diện đổi mật khẩu hoặc thông tin cá nhân.

Biểu tượng đề tài liệu ở cạnh tên danh sách	Link		Người dùng click vào khi muốn xem chi tiết về danh sách.
Phân trang	Link		Cho phép phân trang nếu dữ liệu lớn.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Tìm kiếm	<p>Khi người dùng kích vào Tìm kiếm thì hệ thống sẽ thực hiện truy vấn tìm kiếm đề tài theo dữ liệu người dùng nhập ở ô Tìm kiếm và theo cách xếp được chọn ở</p> <p>ComboBox Lựa chọn tìm kiếm.</p>	<p>Nếu ở Ô tìm kiếm người dùng không nhập gì, Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ đề tài ra bảng danh sách.</p> <p>Ngược lại, hiển thị kết quả tìm kiếm được ra bảng danh sách.</p>	<p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p> <p>Khi hệ thống không tìm thấy thấy Bài đăng nào thì sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy”.</p>

Các nút phân trang	Các nút 1, 2, 3 ở dưới phần danh sách.	Chia nhỏ danh sách để dễ dàng tìm kiếm. thuận mắt với người dùng.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Không xuất hiện phân trang.
Chọn cách xếp	Khi người dùng kích vào thì danh sách bài đăng sẽ sắp xếp theo thứ tự giảm dần/tăng dần theo ngày đăng.	Danh sách bài đăng sắp xếp giảm dần/tăng dần theo ngày đăng.	
Tạo mới	Khi chọn nút Tạo mới thì trang web sẽ tự động chuyển sang trang thêm đề tài.	Hệ thống chuyển sang trang Thêm đề tài để thực hiện chức năng Thêm đề tài của giảng viên.	
Đã đăng ký	Khi chọn tab Đã đăng ký này trang web sẽ cho phép xem các đề tài đã đăng ký	Hệ thống hiển thị tab các đề tài đã đăng ký.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Không xuất tab.

Đã công khai	Khi chọn tab Đã công khai trang web sẽ cho phép xem các danh sách công khai xong chưa.	Hệ thống hiển thị tab các danh sách đã công khai.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Không xuất hiện tab.
Chưa công khai	Khi chọn tab Chưa công khai trang web sẽ cho phép xem các danh sách chưa công khai.	Hệ thống hiển thị tab các danh sách chưa công khai.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Không xuất hiện tab.
Biểu tượng danh sách	Khi chọn Biểu tượng danh sách ở danh sách nào trang sẽ chuyển sang trang xem chi tiết danh sách đó.	Hiển thị màn hình xem chi tiết danh sách.	

Phân trang	<p>Khi có nhỏ hơn hoặc bằng 10 trường dữ liệu thì không có phần phân trang.</p> <p>Khi có hơn 10 trường dữ liệu thì hiển thị phân trang.</p> <p>*</p> <p>Nhấn vào mỗi trang sẽ chuyển đến trang đó. Nhấn vào nút Pre/Next sẽ chuyển đến trang kế trước/kế sau trang hiện tại nếu vẫn còn</p> <p>*</p> <p>trang trước/sau.</p>	Chuyển đến trang được yêu cầu.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.	
------------	---	--------------------------------	---	--

6.3.2.2. Có quyền điểm danh và thông báo trễ vắng mặt trên hệ thống.

The screenshot shows a web application interface for 'Class List' with a 'Teacher' role. The main section is titled 'Take Attendance'. It features a dropdown menu for 'Class' set to 'SE17A01'. Below this is a table with 6 rows. Each row contains an 'Index' (1-6), a 'ChildID' (C01), a 'Name' (Bui Tuan Dung), a 'Detail' text input field, and two buttons for 'Take Attendance': 'Absent' (pink) and 'Present' (yellow). A 'Submit' button is located at the bottom right of the table.

Screen	- Có quyền điểm danh và thông báo trễ vắng mặt.		
Description	- Cho phép giáo viên điểm danh và thông báo trễ vắng.		
Screen Access	- Chọn điểm danh và thông báo trễ vắng.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Điểm danh và thông báo	Text field – String (50)		Ô nhập điểm danh trễ vắng.

Lớp	ComboBox		Lựa chọn lớp.
Mô tả	Text Area		Ô nhập mô tả cho trẻ vắng.
Có mặt	Button		Lưu điểm danh.
Vắng mặt	Button		Gửi thông báo cho nhà trường và phụ huynh.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Có	Khi người dùng kích vào Có hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. nếu dữ liệu hợp lệ thì hệ thống cập nhật dữ liệu vào database, ngược lại hiện thông báo lỗi.	Trở về trang hiển thị điểm danh và hiển thị thông báo “Lưu thành công”.	<p>Khi để trống Điểm danh và thông báo thì -> Thông báo điền vào khung.</p> <p>Chưa chọn Điểm danh-> Thông báo điểm danh.</p> <p>Để trống Mô tả -> Điền vào khung mô tả.</p>

Không	Khi người dùng kích vào Không kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. nếu dữ liệu hợp lệ thì hệ thống cập nhật dữ liệu vào database.	Trở về trang hiển thị đề tài và gửi thông báo đến phụ huynh và trường.	Khi mất kết nối CSDL thì thông báo: “Lỗi kết nối CSDL”.
-------	---	--	---

6.3.2.3. Có quyền đề xuất và bình chọn các hoạt động sẽ diễn ra .

Screen	- Có quyền đề xuất và bình chọn các hoạt động.
Description	- Cho phép giáo viên đề xuất và bình chọn các hoạt động sẽ diễn ra.
Screen Access	- Click vào biểu tượng Vote để đưa ra đề xuất và bình chọn.

Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Nội dung đề xuất	Text field – String (50)		Ô ghi nội dung đề xuất và bình chọn.
Vote	ComboBox		Lựa chọn đề xuất hoặc bình chọn.
Lưu	Button		Lưu đề xuất và bình chọn mới.
Hủy	Button		Trở về trang trước.
Công khai	Button		Công khai đề xuất và bình chọn.
Xóa	Button		Xóa đề xuất hoặc bình chọn.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Lưu	Khi người dùng chọn Lưu , hệ thống sẽ kiểm tra các điều kiện và sửa đổi các dữ liệu của đề xuất và bình chọn được chọn trong database.	Trở về trang hiển thị đề tài và thông báo: Chỉnh sửa thành công.	Nếu nội dung để trống: Trả về lại nội dung cũ. Nếu trùng với nội dung khác thông báo : Nội dung đã có. Mô tả nếu để trống sẽ để lại mô tả cũ.

Hủy	Khi chọn Hủy thì hệ thống không nhận mọi hành động nào tại trang này.	Trở về lại trang trang hiển thị nội dung không có chỉnh sửa và thông báo gì.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Xóa	Khi chọn xóa thì hệ thống sẽ hiển thị popup hỏi xem có chắc chắn muốn xóa đề xuất hoặc bình chọn này hay không.	Hiển thị trang popup	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.
Công khai	Công khai nội dung và bình chọn cho mọi người xem.	Trở về hiển thị đề tài với thông báo: Nội dung đã được công khai thành công.	Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”. Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.

6.3.2.4. Thông tin chi tiết của trẻ.

The screenshot shows a web interface for a teacher's profile. At the top, there is a light blue header bar containing navigation icons (back, forward, close) and a text input field with the URL 'http://Kidabc.edu.vn/Profile'. Below this is a white bar with the word 'Profile' in red and a green button labeled 'Teacher'. The main content area is divided into two sections. On the left, there is a profile card for 'Hoang Y' with ID '@De1600' and a class label 'SE17A01'. On the right, there is a form with fields for 'Parent Name' (Tuan Dung), 'Full Name' (Hoang Y), 'Birthday' (2002-09-06), 'Gender' (Female), and 'Address' (Da Nang). An 'Edit' button is located at the bottom of the form.

Screen	<ul style="list-style-type: none">- Thêm chi tiết thông tin của trẻ.		
Description	<ul style="list-style-type: none">- Cho phép giáo viên xem chi tiết thông tin trẻ đăng ký các môn học.		
Screen Access	<ul style="list-style-type: none">- Chọn “Xem hồ sơ” ở tên trẻ trong danh sách đã đăng ký môn học đã chọn.		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Trở về	Link		Trở về trang trước.

Screen	- Thêm chi tiết thông tin của trẻ.		
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure
Trở về	Thoát khỏi trang và trở về lại trang trước đó.		<p>Khi có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu -> Hiển thị thông báo “Lỗi kết nối cơ sở dữ liệu”.</p> <p>Màn hình vẫn hiển thị trang hiện tại.</p>

6.4. Guest.

6.4.1. Đăng ký tài khoản.

The screenshot shows a web browser window with the address bar displaying <http://Kidabc.edu.vn/Register>. The page has a light blue header and footer. The main content area is white and contains a form titled "Create Account". The form is divided into two columns. The left column contains four fields: "Full Name*", "Date Of Birth*", "Address*", and "Gender*", each with a corresponding text input box. The right column contains three fields: "Phone*", "Email", and "Password", each with a corresponding text input box. Below the "Password" field is a "Re-Password" field with a corresponding text input box. At the bottom right of the form is a yellow "SignUp" button. To the left of the button is the text "Have an account?".

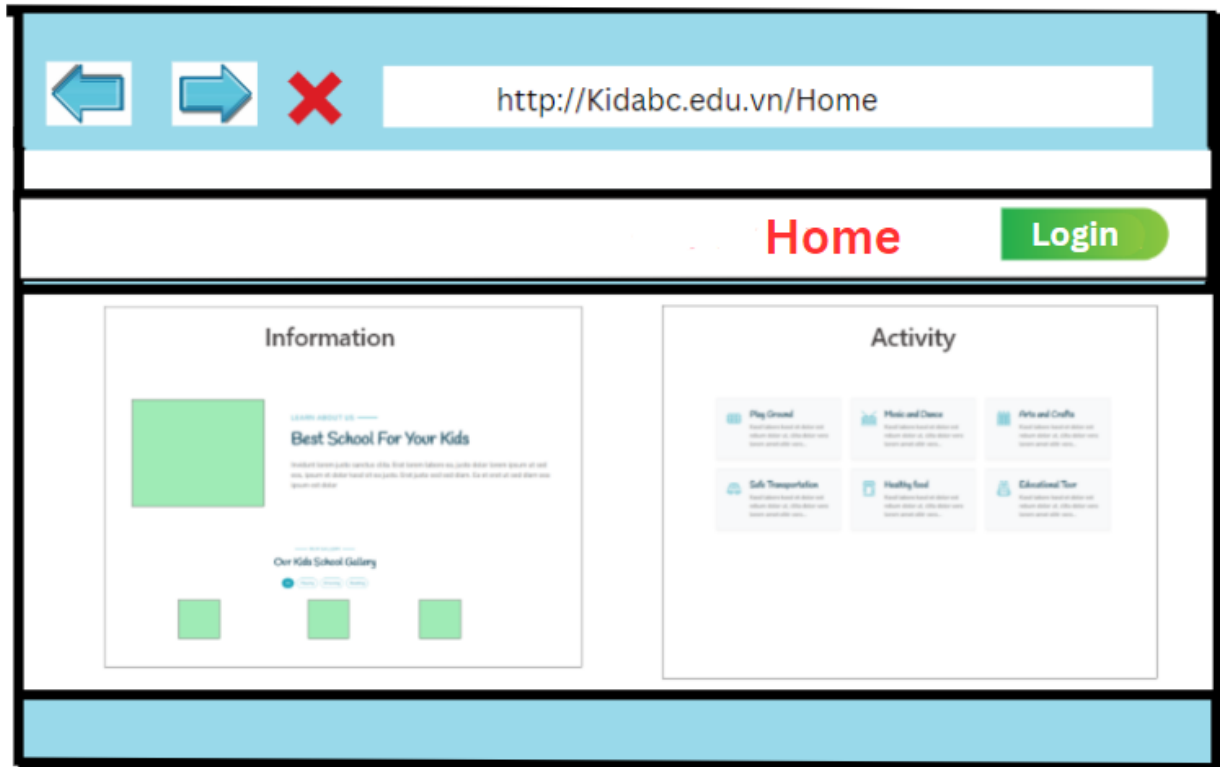
Screen	- Đăng ký tài khoản.		
Description	- Cho phép Guest đăng ký vào hệ thống.		
Screen Access	- Guest chọn “Đăng ký tài khoản” ở màn hình “Trang chủ”		
Screen Content			
Item	Type	Data	Description
Tạo tài khoản	Textbox – String(50)		Cho Guest tạo tài khoản.

Tạo mật khẩu	Password – String(100)		Cho Guest tạo mật khẩu.
Full Name	Textfield -String (50)		Cho Guest nhập họ và tên.
Date or Birth	Date Picker		Cho Guest nhập ngày sinh.
Address	Textfield -String (50)		Cho Guest nhập địa chỉ.
Gender	Combobox		Cho Guest chọn giới tính.
Phone	Textfield-String(20)		Cho Guest nhập số điện thoại.
Email	Text File-String(100)		Cho Guest điền email của mình.
Đăng nhập	Button		Đăng nhập vào hệ thống.
Hủy	Button		Hủy đăng nhập và quay về trang chủ.
Screen Actions			
Action Name	Description	Success	Failure

Đăng ký tài khoản	<p>Khi Guest click nút đăng ký, hệ thống sẽ kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu, nếu dữ liệu không hợp lệ sẽ hiển thị thông báo “Dữ liệu không hợp lệ”, nếu dữ liệu hợp lệ thì tiếp tục kiểm tra Tài khoản với mật khẩu tương ứng có tồn tại trong hệ thống hay không, nếu có thì cho admin đăng nhập vào hệ thống, nếu không thì hiển thị thông báo “Tài khoản hoặc mật khẩu không đúng”.</p> <p>Khi không nhập tài khoản hoặc mật khẩu thì hiển thị thông báo “Trường này là bắt buộc”.</p>	Vào màn chính của trang quản lý User: Hiển thị danh sách User.	<p>Hiện thông báo : “Dữ liệu không hợp lệ”.</p> <p>Hiện thông báo: “Tài khoản đăng ký hoặc mật khẩu đăng ký không đúng”.</p>
Hủy	Đóng màn hình đăng ký và quay trở về trang chủ.	Trở về màn hình trang chủ.	

6.4.2. View information.

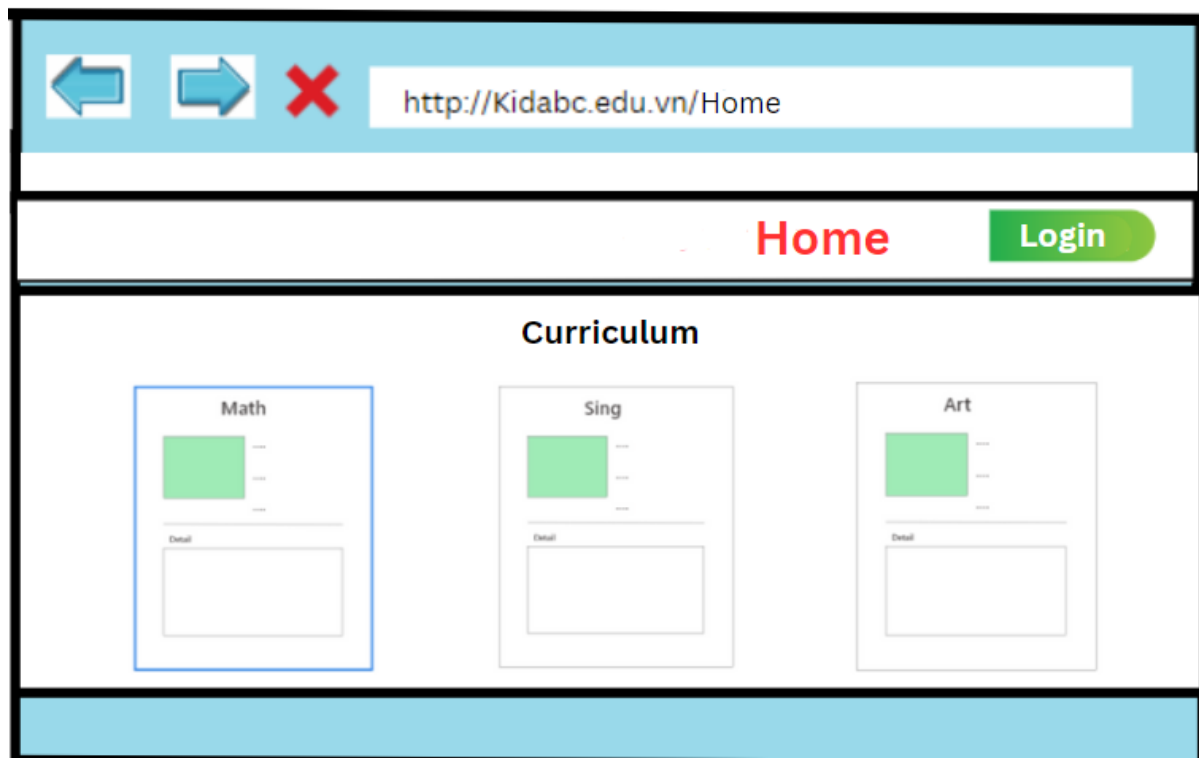
6.4.2.1. Xem thông tin, hoạt động.



Use Case Name	- Xem thông tin, hoạt động.
Use Case ID	- UC03.
High Level Requirement Ref	- Cho phép Guest vào xem các thông tin, hoạt động của trường tại trang chủ.
Actor	- Guest.
Description	- Tất cả các thông tin của Bài đăng về thông tin trường cũng như các hoạt động được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Guest có thể xem thông tin và các hoạt động được cập nhật trên hệ thống.
Trigger	- NA.

Pre-condition	- Guest click vào Home ở màn hình.
Post-processing	

6.4.2.2. Khung chương trình học.



Use Case Name	- Khung chương trình học.
Use Case ID	- UC03.
High Level Requirement Ref	- Cho phép Guest xem chương trình học.
Actor	- Guest.
Description	- Tất cả các thông tin của Bài đăng về môn học được truy vấn từ cơ sở dữ liệu và hiển thị trên màn hình. Guest có

	thể xem các chương trình đang có tại trường và các môn tiêu biểu.
Trigger	- NA.
Pre-condition	- Guest click vào Home ở màn hình.
Post-processing	

7. NON-FUNCTIONAL REQUIREMENTS AND OTHERS

Performance

No.	Requirement
1.	Cho phép 1 lượng lớn truy cập bằng internet vào hệ thống.
2.	Thời gian phản hồi nhanh.
3.	Thời gian nhập/xuất dữ liệu nhanh.

Scalability

No.	Requirement
1.	Khả năng lưu trữ dữ liệu lớn.
2.	Cho phép nhiều người dùng thực hiện các thao tác giống nhau trong cùng khoảng thời gian.

Security

No.	Requirement
1.	Web Server => Xampp running PHP > 7.0.
2.	Đăng nhập để thực hiện các chức năng ứng với từng vai trò của người dùng.
3.	Xác thực người dùng bằng tài khoản và mật khẩu.
4.	Dữ liệu hệ thống được sao lưu hằng ngày và được lưu an toàn bên ngoài trang web.

Browser

No.	Requirement
1.	IE6 and above (IE8 is not recommended).
2.	Chrome and Firefox.

Reliability

No.	Requirement
1.	Nếu có sự cố, thời gian phục hồi hệ thống (từ dữ liệu được sao lưu) trong vòng 1 ngày.

Interfaces

No.	Requirement
1.	Sử dụng thư viện Bootstrap 4, JQuery để tạo giao diện.

Assumptions

No.	Requirement
1.	Có thể tạm ngưng hệ thống nếu cần phải nâng cấp.